

Số: 15/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính
cấp xã của tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 19 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2025/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TU, ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc cho chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 19 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Thành lập phường An Xuyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số Phường 1, Phường 2, Phường 9, phường Tân Xuyên và xã An Xuyên thuộc thành phố Cà Mau.

Sau sắp xếp phường An Xuyên có diện tích tự nhiên 69,9 km², quy mô dân số 81.303 người.

2. Thành lập Phường Lý Văn Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số Phường 8, xã Lý Văn Lâm thuộc thành phố Cà Mau, một phần xã Lợi An (diện tích tự nhiên 11,42 km², dân số 3.624 người) thuộc huyện Trần Văn Thời.

Sau sắp xếp Phường Lý Văn Lâm có diện tích tự nhiên 45,42 km², quy mô dân số 50.684 người.

3. Thành lập phường Tân Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số Phường 5, phường Tân Thành, xã Tân Thành và một phần Phường 7 (diện tích tự nhiên 0,32 km², dân số 5.989 người); một phần Phường 6 (diện tích tự nhiên 4,55 km², dân số 19.616 người); một phần xã Định Bình (diện tích tự nhiên 2,78 km², dân số 4.965 người); một phần xã Tắc Vân (diện tích tự nhiên 3,37 km², dân số 10.987 người) thuộc thành phố Cà Mau.

Sau sắp xếp phường Tân Thành có diện tích tự nhiên 48,42 km², quy mô dân số 83.758 người.

4. Thành lập phường Hòa Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Hòa Tân, xã Hòa Thành thuộc thành phố Cà Mau; một phần xã Tắc Vân (diện tích tự nhiên 2,23 km², dân số 3.386 người); một phần xã Định Bình (diện tích tự nhiên 19,92 km², dân số 5.958 người); một phần Phường 6 (diện tích tự nhiên 8,05 km², dân số 5.617 người); một phần Phường 7 (diện tích tự nhiên 2,79 km², dân số 7.015 người) thuộc thành phố Cà Mau.

Sau sắp xếp phường Hòa Thành có diện tích tự nhiên 97,29 km², quy mô dân số 47.167 người.

5. Thành lập xã Tân Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tân Thuận, xã Tân Đức thuộc huyện Đầm Dơi.

Sau sắp xếp xã Tân Thuận có diện tích tự nhiên 169,8 km², quy mô dân số 35.473 người.

6. Thành lập xã Tân Tiến trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tân Tiến, xã Nguyễn Huân thuộc huyện Đầm Dơi.

Sau sắp xếp xã Tân Tiến có diện tích tự nhiên 207,2 km², quy mô dân số 33.994 người.

7. Thành lập xã Tạ An Khương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tạ An Khương Đông, xã Tạ An Khương Nam; một phần xã Tạ An Khương (diện tích tự nhiên 36,8 km², dân số 12.458 người) thuộc huyện Đầm Dơi.

Sau sắp xếp xã Tạ An Khương có diện tích tự nhiên 104,2 km², quy mô dân số 33.179 người.

8. Thành lập xã Trần Phán trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tân Trung, xã Trần Phán thuộc huyện Đầm Dơi.

Sau sắp xếp xã Trần Phán có diện tích tự nhiên 74,9 km², quy mô dân số 29.949 người.

9. Thành lập xã Thanh Tùng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Thanh Tùng, xã Ngọc Chánh thuộc huyện Đầm Dơi.

Sau sắp xếp xã Thanh Tùng có diện tích tự nhiên 89,9 km², quy mô dân số 26.573 người.

10. Thành lập xã Đầm Dơi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị trấn Đầm Dơi, xã Tân Duyệt, xã Tân Dân; một phần xã Tạ An Khương (diện tích tự nhiên 0,9 km², dân số 297 người) thuộc huyện Đầm Dơi.

Sau sắp xếp xã Đầm Dơi có diện tích tự nhiên 96,2 km², quy mô dân số 38.106 người.

11. Thành lập xã Quách Phẩm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Quách Phẩm, xã Quách Phẩm Bắc thuộc huyện Đầm Dơi.

Sau sắp xếp xã Quách Phẩm có diện tích tự nhiên 73,8 km², quy mô dân số 28.844 người.

12. Thành lập xã U Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Khánh Tiến, xã Khánh Hòa; một phần xã Khánh Thuận (diện tích tự nhiên 5,1 km², dân số 950 người); một phần xã Khánh Lâm (diện tích tự nhiên 8,2 km², dân số 3.129 người) thuộc huyện U Minh.

Sau sắp xếp xã U Minh có diện tích tự nhiên 145 km², quy mô dân số 32.991 người.

13. Thành lập xã Nguyễn Phích trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị trấn U Minh; một phần xã Khánh Thuận (diện tích tự nhiên 163,5 km², dân số 16.161 người); một phần xã Nguyễn Phích (diện tích tự nhiên 63,2 km², dân số 12.582 người) thuộc huyện U Minh.

Sau sắp xếp xã Nguyễn Phích có diện tích tự nhiên 245 km², quy mô dân số 37.330 người.

14. Thành lập xã Khánh Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Khánh Hội; một phần xã Khánh Lâm (diện tích tự nhiên 100,5 km², dân số 16.325 người); một phần xã Nguyễn Phích (diện tích tự nhiên 72,6 km², dân số 8.086 người) thuộc huyện U Minh.

Sau sắp xếp xã Khánh Lâm diện tích tự nhiên 208,2 km², quy mô dân số 38.880 người.

15. Thành lập xã Khánh An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Khánh An; một phần xã Nguyễn Phích (diện tích tự nhiên 21,3 km², dân số 6.442 người) thuộc huyện U Minh.

Sau sắp xếp xã Khánh An có diện tích tự nhiên 177,7 km², quy mô dân số 27.170 người.

16. Thành lập xã Phan Ngọc Hiển trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị trấn Rạch Gốc, xã Viên An Đông; một phần xã Tân Ân (diện tích tự nhiên 57,7 km², dân số 6.590 người) thuộc huyện Ngọc Hiển.

Sau sắp xếp xã Phan Ngọc Hiển có diện tích tự nhiên 237,7 km², quy mô dân số 35.238 người.

17. Thành lập xã Đất Mũi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Đất Mũi; một phần xã Viên An (diện tích tự nhiên 119,3 km², quy mô dân số 15.266 người); một phần xã Tân Ân (bao gồm cụm đảo Hòn Khoai, diện tích tự nhiên 4,7 km², không có dân sinh sống) thuộc huyện Ngọc Hiển.

Sau sắp xếp xã Đất Mũi có diện tích tự nhiên 271,2 km², quy mô dân số 33.298 người.

18. Thành lập xã Tân Ân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tam Giang Tây, xã Tân Ân Tây thuộc huyện Ngọc Hiển.

Sau sắp xếp xã Tân Ân có diện tích tự nhiên 218,3 km², quy mô dân số 23.787 người.

19. Thành lập xã Khánh Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Khánh Bình, xã Khánh Bình Đông thuộc huyện Trần Văn Thời.

Sau sắp xếp xã Khánh Bình có diện tích tự nhiên 104,5 km², quy mô dân số 39.823 người.

20. Thành lập xã Đá Bạc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Khánh Bình Tây (bao gồm Hòn Đá Bạc), xã Khánh Bình Tây Bắc; một phần xã Trần Hợi (diện tích tự nhiên 65,1 km², dân số 7.382 người) thuộc huyện Trần Văn Thời.

Sau sắp xếp xã Đá Bạc có diện tích tự nhiên 211,9 km², quy mô dân số 47.069 người.

21. Thành lập xã Khánh Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Khánh Hải, xã Khánh Hưng thuộc huyện Trần Văn Thời.

Sau sắp xếp xã Khánh Hưng có diện tích tự nhiên 129,6 km², quy mô dân số 41.212 người.

22. Thành lập xã Sông Đốc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị trấn Sông Đốc (bao gồm cụm đảo Hòn Chuối); một phần xã Phong Điền (diện tích tự nhiên 55,05 km², dân số 11.839 người) thuộc huyện Trần Văn Thời.

Sau sắp xếp xã Sông Đốc có diện tích tự nhiên 83,95 km², quy mô dân số 46.353 người.

23. Thành lập xã Trần Văn Thời trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số Thị trấn Trần Văn Thời, xã Khánh Lộc, xã Phong Lạc; một phần xã Phong Điền (diện tích tự nhiên 17,15 km², dân số 4.755 người); một phần xã Trần Hợi (diện tích tự nhiên 27,32 km², dân số 11.342 người); một phần xã Lợi An (diện tích tự nhiên 6,77 km², dân số 3.046 người) thuộc huyện Trần Văn Thời.

Sau sắp xếp xã Trần Văn Thời có diện tích tự nhiên 134,41 km², quy mô dân số 55.897 người.

24. Thành lập xã Thới Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị trấn Thới Bình, xã Thới Bình thuộc huyện Thới Bình.

Sau sắp xếp xã Thới Bình có diện tích tự nhiên 121 km², quy mô dân số 38.116 người.

25. Thành lập xã Trí Phải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Trí Phải, xã Trí Lực, xã Tân Phú thuộc huyện Thới Bình.

Sau sắp xếp xã Trí Phải có diện tích tự nhiên 166,6 km², quy mô dân số 49.770 người.

26. Thành lập xã Tân Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tân Lộc, xã Tân Lộc Bắc, xã Tân Lộc Đông thuộc huyện Thới Bình.

Sau sắp xếp xã Tân Lộc có diện tích tự nhiên 96,8 km², quy mô dân số 35.450 người.

27. Giữ nguyên xã Hồ Thị Kỷ thuộc huyện Thới Bình, có diện tích tự nhiên 93,6 km² và quy mô dân số 27.283 người.

28. Thành lập xã Biển Bạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Biển Bạch, xã Biển Bạch Đông, xã Tân Bằng thuộc huyện Thới Bình.

Sau sắp xếp xã Biển Bạch có diện tích tự nhiên 158,2 km², quy mô dân số 35.702 người.

29. Thành lập xã Đất Mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Lâm Hải, xã Đất Mới; một phần thị trấn Năm Căn (diện tích tự nhiên 18,72 km², dân số 8.272 người); một phần xã Hàm Rồng (diện tích tự nhiên 5,12 km², dân số 730 người); một phần xã Viên An (diện tích 7,5 km², không có dân sinh sống) thuộc huyện Năm Căn.

Sau sắp xếp xã Đất Mới có diện tích tự nhiên 222,94 km², quy mô dân số 27.683 người.

30. Thành lập xã Năm Căn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Hàng Vịnh; một phần xã Hàm Rồng (diện tích tự nhiên 36,98 km², dân số 7.002 người); một phần thị trấn Năm Căn (diện tích tự nhiên 8,28 km², dân số 15.110 người) thuộc huyện Năm Căn.

Sau sắp xếp xã Năm Căn có diện tích tự nhiên 70,06 km², quy mô dân số 30.135 người.

31. Thành lập xã Tam Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tam Giang, xã Hiệp Tùng, xã Tam Giang Đông thuộc huyện Năm Căn.

Sau sắp xếp xã Tam Giang có diện tích tự nhiên 205,2 km², quy mô dân số 23.277 người.

32. Thành lập xã Cái Đôi Vàm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị trấn Cái Đôi Vàm, Xã Nguyễn Việt Khái thuộc huyện Phú Tân.

Sau sắp xếp xã Cái Đôi Vàm có diện tích tự nhiên 131,1 km², quy mô dân số 36.444 người.

33. Thành lập xã Nguyễn Việt Khái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tân Hưng Tây, xã Rạch Chèo, xã Việt Thắng thuộc huyện Phú Tân.

Sau sắp xếp xã Nguyễn Việt Khái có diện tích tự nhiên 129,9 km², quy mô dân số 37.307 người.

34. Thành lập xã Phú Tân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tân Hải, xã Phú Tân thuộc huyện Phú Tân.

Sau sắp xếp xã Phú Tân có diện tích tự nhiên 101,7 km², quy mô dân số 33.381 người.

35. Thành lập xã Phú Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Phú Thuận, xã Phú Mỹ thuộc huyện Phú Tân; một phần xã Hòa Mỹ (diện tích tự nhiên 0,007 km², dân số 49 người) thuộc huyện Cái Nước.

Sau sắp xếp xã Phú Mỹ có diện tích tự nhiên 87,81 km², quy mô dân số 26.205 người.

36. Thành lập xã Lương Thế Trân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Lương Thế Trân, xã Thạnh Phú, xã Phú Hưng thuộc huyện Cái Nước; một phần xã Lợi An (diện tích tự nhiên 27,80 km², dân số 9.844 người) thuộc huyện Trần Văn Thời.

Sau sắp xếp xã Lương Thế Trân có diện tích tự nhiên 135,90 km², quy mô dân số 62.942 người.

37. Thành lập xã Tân Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tân Hưng; một phần xã Đông Hưng (diện tích tự nhiên 29,6 km², dân số 11.589 người); một phần xã Đông Thới (diện tích tự nhiên 2,91 km², dân số 924 người); một phần xã Hòa Mỹ (diện tích tự nhiên 3,7 km², dân số 1.375 người) thuộc huyện Cái Nước.

Sau sắp xếp xã Tân Hưng có diện tích tự nhiên 92,41 km², quy mô dân số 35.222 người.

38. Thành lập xã Hưng Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Hưng Mỹ; một phần xã Hòa Mỹ (diện tích tự nhiên 30,2 km², dân số 9.949 người); một phần xã Tân Hưng Đông (diện tích tự nhiên 32,2 km², dân số 13.159 người) thuộc huyện Cái Nước.

Sau sắp xếp xã Hưng Mỹ có diện tích tự nhiên 98,4 km², quy mô dân số 38.687 người.

39. Thành lập xã Cái Nước trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị trấn Cái Nước, xã Trần Thới; một phần xã Đông Hưng (diện tích tự nhiên 4,7 km², dân số 1.992 người); một phần xã Đông Thới (diện tích tự nhiên 25,55 km², dân số 9.958 người); một phần xã Tân Hưng Đông (diện tích tự nhiên 20,3 km², dân số 7.682 người) thuộc huyện Cái Nước.

Sau sắp xếp xã Cái Nước có diện tích tự nhiên 118,25 km², quy mô dân số 54.397 người.

(Kèm theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 19 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025. *hch*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAUCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /ĐA-UBND

Cà Mau, ngày 29 tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH CÀ MAU NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/04/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025, như sau:

Phần I**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

9. Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban chỉ đạo Chính phủ định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ công chức viên chức khi thực hiện sắp xếp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU

1. Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp xã: Căn cứ điểm b và điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, theo đó định hướng về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp như sau: “b) Xã hình thành sau sắp xếp không thuộc điểm a và điểm d khoản này có quy mô dân số đạt từ 200% trở lên và diện tích tự nhiên đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC; c) Phường hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 5,5 km² trở lên; đối với phường thuộc thành phố trực thuộc trung ương có quy mô dân số đạt từ 45.000 người trở lên; phường thuộc tỉnh hình thành sau sắp xếp ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới có quy mô dân số đạt từ 15.000 người trở lên; các phường còn lại có quy mô dân số đạt từ 21.000 người trở lên”.

Như vậy, theo quy định xã thuộc tỉnh Cà Mau có diện tích tự nhiên từ 30 km² trở lên, quy mô dân số từ 16.000 người trở lên; Phường thuộc tỉnh Cà Mau có diện tích tự nhiên từ 5,5 km² trở lên, quy mô dân số từ 21.000 người trở lên.

Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết này là việc thành lập, giải thể, nhập, chia ĐVHC, điều chỉnh địa giới ĐVHC cấp xã để bảo đảm có số lượng, quy mô phù hợp, cả nước giảm khoảng 60% đến 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với hiện nay”.

2. Về thực trạng đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau: Tỉnh Cà Mau hiện có 100 ĐVHC cấp xã, gồm: 82 xã, 09 phường và 09 thị trấn. Đối chiếu tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã theo quy định trên, qua rà soát hiện trạng ĐVHC cấp

xã của tỉnh Cà Mau (số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo từng ĐVHC cấp xã do Sở Nông nghiệp và Môi trường và Công an tỉnh cung cấp¹), thì tỉnh Cà Mau có: 31 ĐVHC xã đạt chuẩn; 69 ĐVHC cấp xã không đạt chuẩn thuộc diện phải sắp xếp.

Từ thực trạng ĐVHC cấp xã nêu trên, nhằm tổ chức hợp lý các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, góp phần giảm ĐVHC cấp xã, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền, giảm số lượng người làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước, giảm chi ngân sách, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đồng thời tạo không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương thì việc xây dựng “Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025” là cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH CÀ MAU

I. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP CỦA TỈNH CÀ MAU

1. Tỉnh:

a) Diện tích tự nhiên: 5.274,5 km².

b) Quy mô dân số: 1.540.169 người, trong đó: dân số thường trú là 1.530.293 người và dân số tạm trú là 9.876 người.

c) Số lượng ĐVHC cấp huyện: Tổng số 09 đơn vị gồm: 08 huyện và 01 thành phố.

d) Số lượng ĐVHC cấp xã: Tổng số 100 đơn vị gồm: 82 xã, 09 phường, 09 thị trấn.

(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024)

2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp:

Tỉnh Cà Mau thực hiện sắp xếp đối với 99 ĐVHC cấp xã (gồm 81 xã, 09 phường, 09 thị trấn).

¹ Nguồn: (1) Công văn số 984/SNNMT-QLDD ngày 11/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc cung cấp số liệu liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; (2) Công văn số 919/CAT-QLHC ngày 11/4/2025 của Công an tỉnh về việc cung cấp số liệu nhân khẩu thường trú, tạm trú trên địa bàn tỉnh.

3. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã không thực hiện sắp xếp: 01 xã.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thành lập phường An Xuyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 3,7 km², quy mô dân số 16.081 người Phường 1 thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 2,4 km², quy mô dân số 21.785 người Phường 2 thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 6,5 km², quy mô dân số 16.515 người Phường 9 thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 20,7 km², quy mô dân số 10.103 người phường Tân Xuyên thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 36,6 km², quy mô dân số 16.819 người của xã An Xuyên thuộc thành phố Cà Mau.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường An Xuyên có diện tích tự nhiên 69,9 km² (đạt 1.269,91% so với quy định), quy mô dân số 81.303 người (đạt 387,16% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp tỉnh Bạc Liêu (hiện nay); Phía Tây giáp Xã Hồ Thị Kỷ; Phía Nam giáp phường Tân Thành và Phường Lý Văn Lâm; Phía Bắc giáp xã Tân Lộc và Xã Hồ Thị Kỷ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND Phường 2 hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án: Các ĐVHC trung tâm thành phố Cà Mau có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào thương mại, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản). Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Phường An Xuyên” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp. Đồng thời, tên gọi

này cũng tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương². Việc đặt tên đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân trên địa bàn đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Qua rà soát, dự kiến đặt trụ sở có mật độ dân cư đông đúc, có hệ thống giao thông hoàn chỉnh và kết nối thuận tiện với các phường, xã lân cận, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và Nhân dân trong các hoạt động công vụ và giao dịch hành chính; trụ sở hành chính mới xây dựng, đồng thời còn quỹ đất để mở rộng khi cần. Việc tận dụng trụ sở hiện hữu giúp sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đồng thời đảm bảo tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

2. Thành lập Phường Lý Văn Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 9,8 km², quy mô dân số 27.578 người Phường 8 thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 24,2 km², quy mô dân số 19.482 người Xã Lý Văn Lâm thuộc thành phố Cà Mau; một phần xã Lợi An³ thuộc Huyện Trần Văn Thời⁴ diện tích tự nhiên 11,42 km², quy mô dân số 3.624 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Lý Văn Lâm có diện tích tự nhiên 45,42 km² (đạt 825,81% so với quy định), quy mô dân số 50.684 người (đạt 316,77% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường An Xuyên, phường Tân Thành và phường Hòa Thanh; Phía Tây giáp xã Khánh An và xã Khánh Bình; Phía Nam giáp Xã Lương Thế Trân; Phía Bắc giáp Xã Hồ Thị Kỳ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND Phường 8 hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án: Phường 8, Xã Lý Văn Lâm thuộc thành phố Cà Mau, một phần xã Lợi An thuộc huyện Trần Văn Thời có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sự hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào thương mại, dịch vụ, nông nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng

² An Xuyên chính là tên của làng sở tại trước kia thuộc tổng Quản Long, vốn là nơi đặt quận lỵ quận Cà Mau trước năm 1956; Thời Việt Nam Cộng hòa, địa bàn thành phố Cà Mau ngày nay tương ứng với quận Quản Long (do đổi tên từ quận Châu Thành cũ) thuộc tỉnh An Xuyên.

³ Xã Lợi An có địa hình hẹp và dài, bị chia cắt nửa sông lớn nên khó quản lý (toàn bộ phía Tây giáp Sông Ông Đốc, Phía Đông giáp 05 ĐVHC cấp xã). Do đó, cần thiết điều chỉnh một phần ĐVHC để thuận lợi trong công tác quản lý.

⁴ Lấy kênh xáng Lương Thế Trân làm ranh giới.

thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Phường Lý Văn Lâm” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam - đồng chí Lý Văn Lâm (1941 - 1969), người con ưu tú của quê hương Cà Mau đã hy sinh anh dũng trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này không chỉ mang ý nghĩa lịch sử - chính trị sâu sắc, mà còn được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao, phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư đông đúc, có hệ thống giao thông hoàn chỉnh và kết nối thuận tiện với các phường, xã lân cận, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và Nhân dân trong các hoạt động công vụ và giao dịch hành chính; có trụ sở hành chính mới xây dựng. Việc tận dụng trụ sở hiện hữu giúp sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đồng thời đảm bảo tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

3. Thành lập phường Tân Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 2,0 km², quy mô dân số 23.680 người Phường 5 thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 11,2 km², quy mô dân số 8.127 người phường Tân Thành thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 24,2 km², quy mô dân số 10.394 người xã Tân Thành thuộc thành phố Cà Mau; một phần Phường 7 thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 0,32 km², quy mô dân số 5.989 người; một phần Phường 6 thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 4,55 km², quy mô dân số 19.616 người; một phần xã Định Bình thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 2,78 km², quy mô dân số 4.965 người; một phần xã Tắc Vân thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 3,37 km², quy mô dân số 10.987 người thuộc thành phố Cà Mau⁵.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tân Thành có diện tích tự nhiên 48,42 km² (đạt 880,30% so với quy định), quy mô dân số 83.758 người (đạt 398,85% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Bạc Liêu (hiện nay); Phía Tây giáp Phường Lý Văn Lâm; Phía Nam giáp phường Hòa Thành; Phía Bắc giáp phường An Xuyên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND phường Tân Thành hiện nay.

⁵ Lấy kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu làm ranh giới khi điều chỉnh một phần: Phường 7, Phường 6, xã Định Bình, xã Tắc Vân.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào thương mại, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Phường Tân Thành” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa gắn liền với địa danh “Tân Thành” - một địa danh có từ lâu đời và mang đậm dấu ấn truyền thống cách mạng. Xã Tân Thành đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, là niềm tự hào của Đảng bộ và Nhân dân địa phương. Tên gọi ĐVHC mới này phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Nhân dân đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư đông đúc, nơi có hệ thống giao thông hoàn chỉnh và kết nối thuận tiện với các phường, xã lân cận và đến từng ấp, khóm, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và Nhân dân trong các hoạt động công vụ và giao dịch hành chính; có trụ sở hành chính mới xây dựng, đồng thời còn quỹ đất để mở rộng khi cần. Việc tận dụng trụ sở hiện hữu giúp sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đảm bảo tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

4. Thành lập phường Hòa Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 33,1 km², quy mô dân số 11.807 người xã Hòa Tân thuộc thành phố Cà Mau; toàn bộ diện tích tự nhiên 31,2 km², quy mô dân số 13.384 người xã Hòa Thành thuộc thành phố Cà Mau; một phần xã Tắc Vân thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 2,23 km², quy mô dân số 3.386 người; một phần xã Định Bình thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 19,92 km², quy mô dân số 5.958 người, một phần còn lại Phường 6 thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 8,05 km², quy mô dân số 5.617 người⁶ và một phần còn lại của Phường 7 thuộc thành phố Cà Mau diện tích tự nhiên 2,79 km², quy mô dân số 7.015 người⁷.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hòa Thành có diện tích tự nhiên 97,29 km² (đạt 1.768,92% so với quy định), quy mô dân số 47.167 người (đạt 224,6% so với quy định).

⁶ Lấy kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu làm ranh giới.

⁷ Lấy sông Gành Hào làm ranh giới.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Bạc Liêu (hiện nay); Phía Tây giáp Phường Lý Văn Lâm và Xã Lương Thế Trân; Phía Nam giáp xã Tạ An Khuong; Phía Bắc giáp phường Tân Thành.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Hòa Tân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản, dịch vụ và thương mại) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Phường Hòa Thành” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Hòa Thành”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Hòa Thành đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có vị trí trung tâm của ĐVHC mới và có mật độ dân tập trung, nơi có hệ thống giao thông được xây dựng cơ bản, kết nối thuận tiện với các phường, xã lân cận và đến từng ấp, khóm, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và Nhân dân trong các hoạt động công vụ và giao dịch hành chính; có trụ sở hành chính mới xây dựng, đồng thời còn quỹ đất để mở rộng khi cần. Việc tận dụng trụ sở hiện hữu giúp sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đồng thời đảm bảo tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

5. Thành lập xã Tân Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 106,8 km², quy mô dân số 19.455 người xã Tân Thuận thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ diện tích tự nhiên 63,0 km², quy mô dân số 16.018 người xã Tân Đức thuộc huyện Đầm Dơi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Thuận có diện tích tự nhiên 169,8 km² (đạt 566% so với quy định), quy mô dân số 35.473 người (đạt 221,71% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Biên Đông; Phía Tây giáp Xã Tạ An Khương; Phía Nam giáp xã Tân Tiến; Phía Bắc giáp Xã Tạ An Khương và tỉnh Bạc Liêu (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Tân Thuận hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Xã Tân Thuận” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Tân Thuận”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Tân Thuận đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

6. Thành lập xã Tân Tiến trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 93,1 km², quy mô dân số 15.676 người xã Tân Tiến thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ diện tích tự nhiên 114,1 km², quy mô dân số 18.318 người xã Nguyễn Huân thuộc huyện Đầm Dơi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Tiến có diện tích tự nhiên 207,2 km² (đạt 690,67% so với quy định), quy mô dân số 33.994 người (đạt 212,46% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Biên Đông; Phía Tây giáp xã Đầm Dơi và xã Thanh Tùng; Phía Nam giáp xã Tam Giang; Phía Bắc giáp xã Tân Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Nguyễn Huân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch sử hình thành (đều tách ra từ xã Tân Tiến⁸), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Xã Tân Tiến” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Tân Tiến”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Tân Tiến đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

7. Thành lập Xã Tạ An Khương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,4 km², quy mô dân số 11.111 người xã Tạ An Khương Đông thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ diện tích tự nhiên 31,0 km², quy mô dân số 9.610 người xã Tạ An Khương Nam thuộc huyện Đầm Dơi; một phần Xã Tạ An Khương thuộc huyện Đầm Dơi diện tích tự nhiên 36,8 km², quy mô dân số 12.458 người⁹.

⁸ Ngày 25/7/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 275-CP về việc chia xã Tân Tiến, huyện Ngọc Hiển thành 4 xã: Nguyễn Huân, Long Hòa, Tân Tiến và Phú Hải.

⁹ Phần từ Cây Mết, ấp Tân Điền B chuyển về ĐVHC cấp xã mới: Xã Đầm Dơi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tạ An Khương có diện tích tự nhiên 104,2 km² (đạt 347,33% so với quy định), quy mô dân số 33.179 người (đạt 207,37% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Tân Thuận; Phía Tây giáp xã Trần Phán và xã Đầm Dơi; Phía Nam giáp xã Đầm Dơi; Phía Bắc giáp phường Hòa Thành và tỉnh Bạc Liêu (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND Xã Tạ An Khương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Xã Tạ An Khương” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Tạ An Khương”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Tạ An Khương đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

8. Thành lập xã Trần Phán trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 33,1 km², quy mô dân số 12.344 người xã Tân Trung thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ diện tích tự nhiên 41,8 km², quy mô dân số 17.605 người của xã Trần Phán thuộc huyện Đầm Dơi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trần Phán có diện tích tự nhiên 74,9 km² (đạt 249,67% so với quy định), quy mô dân số 29.949 người (đạt 187,18% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Xã Tạ An Khương và xã Đầm Dơi; Phía Tây giáp xã Tân Hưng, Xã Lương Thế Trân và xã Cái Nước; Phía Nam giáp xã Quách Phẩm; Phía Bắc giáp phường Hòa Thành.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Trần Phán hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch sử hình thành (đều tách ra từ xã Trần Phán¹⁰), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán đồng nhất; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Xã Trần Phán” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Trần Phán”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Dân quân du kích xã Trần Phán đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

9. Thành lập xã Thanh Tùng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 47,6 km², quy mô dân số 12.569 người xã Thanh Tùng thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ

¹⁰ Ngày 25/7/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 275-CP về việc chia xã Trần Phán thuộc huyện Cái Nước thành xã Tân Trung và xã Trần Phán.

diện tích tự nhiên 42,3 km², quy mô dân số 14.004 người xã Ngọc Chánh thuộc huyện Đầm Dơi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh Tùng có diện tích tự nhiên 89,9 km² (đạt 299,67% so với quy định), quy mô dân số 26.573 người (đạt 166,08% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tân Tiến và xã Đầm Dơi; Phía Tây giáp xã Quách Phẩm; Phía Nam giáp xã Tam Giang; Phía Bắc giáp xã Đầm Dơi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Thanh Tùng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (đều tách ra từ xã Thanh Tùng¹¹), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Thanh Tùng” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Thanh Tùng”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Thanh Tùng đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

¹¹ Ngày 5/9/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2005/NĐ-CP về việc thành lập xã Ngọc Chánh trên cơ sở 5.303,76 ha diện tích tự nhiên và 11.023 nhân khẩu của xã Thanh Tùng.

10. Thành lập xã Đầm Dơi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10,6 km², quy mô dân số 11.133 người, thị trấn Đầm Dơi thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ diện tích tự nhiên 52,4 km², quy mô dân số 19.311 người, xã Tân Duyệt thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ diện tích tự nhiên 32,3 km², quy mô dân số 7.365 người, xã Tân Dân thuộc huyện Đầm Dơi; một phần Xã Tạ An Khương thuộc huyện Đầm Dơi diện tích tự nhiên 0,9 km², quy mô dân số 297 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đầm Dơi có diện tích tự nhiên 96,2 km² (đạt 320,67% so với quy định), quy mô dân số 38.106 người (đạt 238,16% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tân Tiến; Phía Tây giáp xã Quách Phẩm và xã Trần Phán; Phía Nam giáp xã Thanh Tùng; Phía Bắc giáp Xã Tạ An Khương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn Đầm Dơi hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản, thương mại, dịch vụ) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: “Xã Đầm Dơi” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của huyện cũ - huyện Đầm Dơi, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương¹². Tên gọi này mang ý nghĩa gìn giữ bản sắc truyền thống, gắn bó với ký ức cộng đồng và tinh thần đoàn kết của Nhân dân. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

¹² Tên gọi “Đầm Dơi” đã có mặt trong địa bạ triều Nguyễn từ năm 1836 (năm Minh Mạng thứ 17), được ghi nhận là “xứ Đầm Dơi”.

11. Thành lập xã Quách Phẩm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 37,5 km², quy mô dân số 13.825 người của xã Quách Phẩm thuộc huyện Đầm Dơi; toàn bộ diện tích tự nhiên 36,3 km², quy mô dân số 15.019 người của xã Quách Phẩm Bắc thuộc huyện Đầm Dơi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Quách Phẩm có diện tích tự nhiên 73,8 km² (đạt 246% so với quy định), quy mô dân số 28.844 người (đạt 180,28% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Thanh Tùng và xã Đầm Dơi; Phía Tây giáp xã Cái Nước; Phía Nam giáp xã Năm Căn và xã Tam Giang; Phía Bắc giáp xã Trần Phán.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Quách Phẩm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (đều tách ra từ xã Quách Phẩm¹³), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Quách Phẩm” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Quách Phẩm”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Quách Phẩm đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

¹³ Ngày 25/6/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/1999/NĐ-CP về việc thành lập xã Quách Phẩm Bắc trên cơ sở có 4.061,5 ha diện tích tự nhiên và 10.291 nhân khẩu của xã Quách Phẩm.

12. Thành lập xã U Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 66,3 km², quy mô dân số 15.835 người, xã Khánh Tiến thuộc huyện U Minh; toàn bộ diện tích tự nhiên 65,4 km², quy mô dân số 13.077 người, xã Khánh Hòa thuộc huyện U Minh; một phần xã Khánh Thuận thuộc huyện U Minh diện tích tự nhiên 5,1 km², quy mô dân số 950 người¹⁴; một phần xã Khánh Lâm thuộc huyện U Minh diện tích tự nhiên 8,2 km², quy mô dân số 3.129 người¹⁵.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã U Minh có diện tích tự nhiên 145 km² (đạt 483,33% so với quy định), quy mô dân số 32.991 người (đạt 206,19% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nguyễn Phích; Phía Tây giáp Vĩnh Thái Lan; Phía Nam giáp xã Khánh Lâm; Phía Bắc giáp tỉnh Kiên Giang (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Khánh Hòa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch sử hình thành (đều tách ra từ xã Quách Phẩm¹⁶), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và lâm nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã U Minh” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của huyện cũ - huyện U Minh, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần;

¹⁴ Lấy sông Cái Tàu làm ranh giới.

¹⁵ Lấy sông Khánh Hội làm ranh giới.

¹⁶ Ngày 25/6/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/1999/NĐ-CP về việc thành lập xã Quách Phẩm Bắc trên cơ sở có 4.061,5 ha diện tích tự nhiên và 10.291 nhân khẩu của xã Quách Phẩm.

đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

13. Thành lập xã Nguyễn Phích trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,3 km², quy mô dân số 8.587 người của thị trấn U Minh thuộc huyện U Minh; một phần còn lại xã Khánh Thuận thuộc huyện U Minh diện tích tự nhiên 163,5 km², quy mô dân số 16.161 người¹⁷; một phần xã Nguyễn Phích thuộc huyện U Minh diện tích tự nhiên 63,2 km², quy mô dân số 12.582 người¹⁸.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nguyễn Phích diện tích tự nhiên 245 km² (đạt 816,67% so với quy định), quy mô dân số 37.330 người (đạt 233,31% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Biển Bạch và xã Thới Bình; Phía Tây giáp xã U Minh và xã Khánh Lâm; Phía Nam giáp xã Khánh An và xã Thới Bình; Phía Bắc giáp tỉnh Kiên Giang (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn U Minh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào phát triển kinh tế rừng) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Nguyễn Phích” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Nguyễn Phích”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Nguyễn Phích đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và

¹⁷ Lấy sông Cái Tàu làm ranh giới.

¹⁸ Lấy kênh Bờ Bao làm ranh giới.

người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

14. Thành lập xã Khánh Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 35,1 km², quy mô dân số 14.469 người xã Khánh Hội thuộc huyện U Minh; một phần còn lại xã Khánh Lâm thuộc huyện U Minh diện tích tự nhiên 100,5 km², quy mô dân số 16.325 người¹⁹; một phần xã Nguyễn Phích thuộc huyện U Minh diện tích tự nhiên: 72,6 km², quy mô dân số 8.086 người²⁰.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Khánh Lâm có diện tích tự nhiên 208,2 km² (đạt 694% so với quy định), quy mô dân số 38.880 người (đạt 243% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nguyễn Phích; Phía Tây giáp Vịnh Thái Lan; Phía Nam giáp xã Khánh An và xã Đá Bạc; Phía Bắc giáp xã U Minh và xã Nguyễn Phích.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Khánh Hội hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào khai thác thủy sản, phát triển kinh tế rừng) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Khánh Lâm” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Khánh Lâm”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Khánh Lâm đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

¹⁹ Lấy kênh Khai Hoang, kênh Tuyến 25 làm ranh giới.

²⁰ Lấy kênh Cái Tàu làm ranh giới.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

15. Thành lập xã Khánh An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 156,4 km², quy mô dân số 20.728 người xã Khánh An thuộc huyện U Minh; một phần còn lại xã Nguyễn Phích thuộc huyện U Minh diện tích tự nhiên 21,3 km², quy mô dân số 6.442 người thuộc huyện U Minh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Khánh An có diện tích tự nhiên 177,7 km² (đạt 592,33% so với quy định), quy mô dân số 27.170 người (đạt 169,81% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Xã Hồ Thị Kỳ, xã Thới Bình và Phường Lý Văn Lâm; Phía Tây giáp xã Khánh Lâm và xã Đá Bạc; Phía Nam giáp xã Khánh Bình; Phía Bắc giáp xã Nguyễn Phích và xã Khánh Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Khánh An hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế rừng) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Khánh An” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Khánh An”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Khánh An đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

16. Thành lập Xã Phan Ngọc Hiến trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 45,8 km², quy mô dân số 13.930 người thị trấn Rạch Gốc thuộc huyện Ngọc Hiến; toàn bộ diện tích tự nhiên 134,2 km², quy mô dân số 14.808 người xã Viên An Đông huyện Ngọc Hiến; một phần xã Tân Ân thuộc huyện Ngọc Hiến diện tích tự nhiên 57,7 km², quy mô dân số 6.590 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phan Ngọc Hiến diện tích tự nhiên 237,7 km² (đạt 792,33% so với quy định), quy mô dân số 35.328 người (đạt 220,80% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Tân Ân; Phía Tây giáp xã Đất Mũi; Phía Nam giáp Biển Đông; Phía Bắc giáp xã Đất Mới.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn Rạch Gốc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng, khai thác thủy hải sản, lâm nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “Xã Phan Ngọc Hiến” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của huyện cũ - huyện Ngọc Hiến, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa và tri ân một nhà cách mạng tiêu biểu của dân tộc - đồng chí Phan Ngọc Hiến là người chiến sĩ tiêu biểu của phong trào cách mạng miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đã lãnh đạo và tổ chức thành công cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai lịch sử vào năm 1940, được Nhân dân ghi nhớ và trân trọng. Tên gọi ĐVHC mới này phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở là vị trí trung tâm của huyện cũ và xã mới, có hệ thống giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

17. Thành lập xã Đất Mũi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 147,2 km², quy mô dân số 18.032 người xã Đất Mũi thuộc huyện Ngọc Hiển; một phần xã Viên An thuộc huyện Ngọc Hiển diện tích tự nhiên 119,3 km², quy mô dân số 15.266 người; một phần xã Tân Ân thuộc huyện Ngọc Hiển (bao gồm cụm đảo Hòn Khoai) diện tích tự nhiên 4,7 km², không có dân sinh sống thuộc huyện Ngọc Hiển.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đất Mũi diện tích tự nhiên 271,2 km² (đạt 904% so với quy định), quy mô dân số 33.298 người (đạt 208,11% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp Xã Phan Ngọc Hiển; Phía Tây giáp Vịnh Thái Lan; Phía Nam giáp Biển Đông; Phía Bắc giáp xã Đất Mới.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Đất Mũi hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào sản xuất nuôi trồng, khai thác thủy hải sản, lâm nghiệp, kinh tế biển) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Đất Mũi” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, biểu tượng thiêng liêng gắn với địa danh Đất Mũi - điểm cực Nam trên bản đồ đất liền của Tổ quốc Việt Nam, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

18. Thành lập xã Tân Ân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 111,8 km², quy mô dân số 13.179 người xã Tam Giang Tây thuộc huyện Ngọc Hiển; toàn bộ diện tích tự nhiên 106,5 km², quy mô dân số 10.608 người xã Tân Ân Tây thuộc huyện Ngọc Hiển.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Ân có diện tích tự nhiên 218,3 km² (đạt 727,67% so với quy định), quy mô dân số 23.787 người (đạt 148,67% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Biển Đông; Phía Tây giáp Xã Phan Ngọc Hiển; Phía Nam giáp xã Phan Ngọc Hiển; Phía Bắc giáp xã Đất Mới, xã Năm Căn và xã Tam Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Tân Ân Tây hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào nuôi trồng, khai thác thủy hải sản, lâm nghiệp) và điều kiện tự nhiên – địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế – xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Tân Ân” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và

người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

19. Thành lập xã Khánh Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,9 km², quy mô dân số 14.382 người xã Khánh Bình thuộc Huyện Trần Văn Thời; toàn bộ diện tích tự nhiên 67,6 km², quy mô dân số 25.441 người xã Khánh Bình Đông thuộc Huyện Trần Văn Thời.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Khánh Bình có diện tích tự nhiên 104,5 km² (đạt 348,33% so với quy định), quy mô dân số 39.823 người (đạt 248,89% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Phường Lý Văn Lâm và Xã Lương Thế Trân; Phía Tây giáp Xã Trần Văn Thời và xã Đá Bạc; Phía Nam giáp Xã Trần Văn Thời; Phía Bắc giáp xã Khánh An và xã Đá Bạc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Khánh Bình hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (đều tách ra từ xã Khánh Bình²¹), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Khánh Bình” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành

²¹ Ngày 25/7/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 275-CP về việc thành lập xã Khánh Bình Đông và xã Khánh Tây trên cơ sở một phần của xã Khánh Bình.

chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

20. Thành lập xã Đá Bạc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 51,2 km², quy mô dân số 19.357 người xã Khánh Bình Tây thuộc Huyện Trần Văn Thời (bao gồm Hòn Đá Bạc); toàn bộ diện tích tự nhiên 95,6 km², quy mô dân số 20.330 người của xã Khánh Bình Tây Bắc thuộc Huyện Trần Văn Thời; một phần Xã Trần Hợi thuộc Huyện Trần Văn Thời diện tích tự nhiên 65,1 km², quy mô dân số 7.382 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đá Bạc diện tích tự nhiên 211,9 km² (đạt 706,33% so với quy định), quy mô dân số 47.069 người (đạt 294,18% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Khánh An và xã Khánh Bình; Phía Tây giáp Vịnh Thái Lan; Phía Nam giáp Xã Trần Văn Thời và xã Khánh Hưng; Phía Bắc giáp xã Khánh Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Khánh Bình Tây hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, kinh tế biển) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Đá Bạc” được lựa chọn nhằm thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương, nơi có Di tích lịch sử Quốc gia “Hòn Đá Bạc - Trung tâm chỉ huy kế hoạch phản gián CM12”, là một trong điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Cà Mau “Hòn Đá Bạc”. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần;

đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

21. Thành lập xã Khánh Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 62,9 km², quy mô dân số 16.832 người xã Khánh Hải thuộc Huyện Trần Văn Thời; toàn bộ diện tích tự nhiên 66,7 km², quy mô dân số 24.380 người của xã Khánh Hưng thuộc Huyện Trần Văn Thời.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Khánh Hưng có diện tích tự nhiên 129,6 km² (đạt 432% so với quy định), quy mô dân số 41.212 người (đạt 257,58% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Xã Trần Văn Thời; Phía Tây giáp Vịnh Thái Lan; Phía Nam giáp xã Sông Đốc và Xã Trần Văn Thời; Phía Bắc giáp xã Đá Bạc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Khánh Hải hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh tế (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Khánh Hưng” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

22. Thành lập xã Sông Đốc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 28,9 km², quy mô dân số 34.514 người thị trấn Sông Đốc thuộc Huyện Trần Văn Thời (bao gồm cụm đảo Hòn Chuối); một phần xã Phong Điền thuộc Huyện Trần Văn Thời diện tích tự nhiên 55,05 km², quy mô dân số 11.839 người²².

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sông Đốc diện tích tự nhiên 83,95 km² (đạt 279,83% so với quy định), quy mô dân số 46.353 người (đạt 289,71% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp Xã Trần Văn Thời và xã Khánh Hưng; Phía Tây giáp Vĩnh Thái Lan; Phía Nam giáp xã Phú Tân và xã Phú Mỹ; Phía Bắc giáp xã Khánh Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản trên biển, chế biến và xuất khẩu thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Sông Đốc” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương, một trong những địa danh nổi tiếng gắn liền với sự kiện chuyển tàu cuối cùng đưa cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

²² Lấy sông Thị Kéo làm ranh giới.

23. Thành lập Xã Trần Văn Thời trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21,4 km², quy mô dân số 14.089 người Thị trấn Trần Văn Thời thuộc Huyện Trần Văn Thời; toàn bộ diện tích tự nhiên 28,4 km², quy mô dân số 10.940 người của xã Khánh Lộc; toàn bộ diện tích tự nhiên 33,37 km², quy mô dân số 11.725 người xã Phong Lạc thuộc Huyện Trần Văn Thời; một phần xã Phong Điền thuộc Huyện Trần Văn Thời diện tích tự nhiên 17,15 km², quy mô dân số 4.755 người²³; một phần Xã Trần Hợi thuộc Huyện Trần Văn Thời diện tích tự nhiên 27,32 km², quy mô dân số 11.342 người; một phần xã Lợi An²⁴ thuộc Huyện Trần Văn Thời diện tích tự nhiên 6,77 km², quy mô dân số 3.046 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trần Văn Thời có diện tích tự nhiên 134,41 km² (đạt 448,03% so với quy định), quy mô dân số 55.897 người (đạt 349,35% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Khánh Bình, xã Lương Thế Trân và xã Hưng Mỹ; Phía Tây giáp xã Khánh Hưng và xã Sông Đốc; Phía Nam giáp xã Phú Mỹ; Phía Bắc giáp xã Đá Bạc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND Thị trấn Trần Văn Thời hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “Xã Trần Văn Thời” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của huyện cũ - Huyện Trần Văn Thời, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa và tri ân một nhà cách mạng tiêu biểu của dân tộc, đồng chí Trần Văn Thời (1902 - 1942) một trong những chỉ huy của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, được Nhân dân ghi nhớ và trân trọng. Tên gọi ĐVHC mới này phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lấy ý kiến.

²³ Lấy kênh Thị Kẹo làm ranh giới.

²⁴ Xã Lợi An điều chỉnh địa giới chuyển về 03 ĐVHC cấp xã mới: Phường Lý Văn Lâm, xã Lương Thế Trân và xã Trần Văn Thời.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

24. Thành lập xã Thới Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21 km², quy mô dân số 13.030 người của thị trấn Thới Bình thuộc huyện Thới Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 100 km², quy mô dân số 25.086 người của xã Thới Bình thuộc huyện Thới Bình.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thới Bình diện tích tự nhiên 121 km² (đạt 403,33% so với quy định), quy mô dân số 38.116 người (đạt 238,23% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Trí Phải và xã Tân Lộc; Phía Tây giáp xã Khánh An và xã Nguyễn Phích; Phía Nam giáp Xã Hồ Thị Kỳ; Phía Bắc giáp xã Biển Bạch và xã Trí Phải.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn Thới Bình hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Thới Bình” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp và tên của huyện cũ - huyện Thới Bình, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm

xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

25. Thành lập xã Trí Phải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 37,4 km², quy mô dân số 17.321 người xã Trí Phải thuộc huyện Thới Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 35,3 km², quy mô dân số 9.610 người xã Trí Lực thuộc huyện Thới Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 93,9 km², quy mô dân số 22.839 người xã Tân Phú thuộc huyện Thới Bình.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trí Phải diện tích tự nhiên 166,6 km² (đạt 555,33% so với quy định), quy mô dân số 49.770 người (đạt 311,06% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Kiên Giang và tỉnh Bạc Liêu (hiện nay); Phía Tây giáp xã Thới Bình và xã Biển Bạch; Phía Nam giáp xã Tân Lộc; Phía Bắc giáp tỉnh Kiên Giang (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Trí Phải hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch sử hình thành (đều tách ra từ xã Trí Phải), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Trí Phải” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Trí Phải”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Trí Phải đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và

người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

26. Thành lập xã Tân Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 27,6 km², quy mô dân số 14.744 người xã Tân Lộc thuộc huyện Thới Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 28,1 km², quy mô dân số 12.800 người của xã Tân Lộc Bắc thuộc huyện Thới Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 41,1 km², quy mô dân số 7.906 người của xã Tân Lộc Đông thuộc huyện Thới Bình.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Lộc có diện tích tự nhiên 96,8 km² (đạt 322,67% so với quy định), quy mô dân số 35.450 người (đạt 221,56% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Bạc Liêu (hiện nay); Phía Tây giáp xã Thới Bình và Xã Hồ Thị Kỷ; Phía Nam giáp phường An Xuyên; Phía Bắc giáp xã Trí Phái.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Tân Lộc Bắc (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (đều tách ra từ xã Tân Lộc), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Tân Lộc” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Tân Lộc”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Tân Lộc đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành

chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

27. Thành lập Xã Hồ Thị Kỳ trên cơ sở giữ nguyên Xã Hồ Thị Kỳ thuộc huyện Thới Bình, diện tích tự nhiên là 93,6 km² (đạt tỷ lệ 312%) và dân số 27.283 người (đạt tỷ lệ 170,52%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Tân Lộc và Phường An Xuyên; Phía Tây giáp xã Khánh An; Phía Nam giáp Phường Lý Văn Lâm; Phía Bắc giáp xã Thới Bình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Giữ nguyên như hiện trạng.

28. Thành lập xã Biển Bạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 41,7 km², quy mô dân số 9.072 người của xã Biển Bạch thuộc huyện Thới Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 71,4 km², quy mô dân số 14.491 người của xã Biển Bạch Đông thuộc huyện Thới Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 45,1 km², quy mô dân số 12.139 người của xã Tân Bằng thuộc huyện Thới Bình.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Biển Bạch diện tích tự nhiên 158,2 km² (đạt 527,33% so với quy định), quy mô dân số 35.702 người (đạt 223,14% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Trí Phái và tỉnh Kiên Giang (hiện nay); Phía Tây giáp xã Nguyễn Phích; Phía Nam giáp xã Thới Bình; Phía Bắc giáp tỉnh Kiên Giang (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Tân Bằng (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (đều tách ra từ xã Biển Bạch²⁵), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Biển Bạch” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Biển Bạch”, một địa danh có

²⁵ Ngày 25 tháng 7 năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 275-CP[9] về việc chia xã Biển Bạch thành 4 xã: Biển Bạch Tây, Biển Bạch Tân, Biển Bạch và Biển Bạch Đông.

từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Biên Bạch đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

29. Thành lập xã Đất Mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 123,5 km², quy mô dân số 9.500 người của xã Lâm Hải thuộc huyện Năm Căn; toàn bộ diện tích tự nhiên 68,1 km², quy mô dân số 9.181 người của xã Đất Mới thuộc huyện Năm Căn; một phần thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn có diện tích tự nhiên 18,72 km², quy mô dân số 8.272 người; một phần xã Hàm Rồng thuộc huyện Năm Căn có diện tích tự nhiên 5,12 km², quy mô dân số 730 người; một phần xã Viên An thuộc huyện Ngọc Hiển có diện tích 7,5 km², không có dân sinh sống.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đất Mới có diện tích tự nhiên 222,94 km² (đạt 743,13% so với quy định), quy mô dân số 27.683 người (đạt 173,02% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Năm Căn và xã Phan Ngọc Hiển; Phía Tây giáp Vịnh Thái Lan; Phía Nam giáp xã Đất Mũi và xã Phan Ngọc Hiển; Phía Bắc giáp xã Nguyễn Việt Khái và xã Cái Nước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Lâm Hải (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (xã Lâm Hải tách ra từ xã Đất Mới), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào sản xuất nuôi trồng, khai thác thủy hải sản, lâm nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Đất Mới” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư tập trung; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

30. Thành lập xã Năm Căn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 24,8 km², quy mô dân số 8.023 người của xã Hàng Vịnh thuộc huyện Năm Căn; một phần còn lại xã Hàm Rồng thuộc huyện Năm Căn có diện tích tự nhiên 36,98 km², quy mô dân số 7.002 người; một phần thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn có diện tích tự nhiên là 8,28 km², quy mô dân số là 15.110 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Năm Căn có diện tích tự nhiên 70,06 km² (đạt 233,53% so với quy định), quy mô dân số 30.135 người (đạt 188,34% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Quách Phẩm và xã Tam Giang; Phía Tây giáp xã Đất Mới; Phía Nam giáp xã Tân Ân; Phía Bắc giáp xã Cái Nước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn Năm Căn (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy hải sản, lâm nghiệp, thương mại) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Năm Căn” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp và tên của huyện cũ - huyện Năm

Căn, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương²⁶. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở là vị trí trung tâm của huyện (hiện nay) và xã mới, có hệ thống giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

31. Thành lập xã Tam Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 101,7 km², quy mô dân số 9.167 người của xã Tam Giang thuộc huyện Năm Căn; toàn bộ diện tích tự nhiên 36,6 km², quy mô dân số 7.707 người của xã Hiệp Tùng thuộc huyện Năm Căn; toàn bộ diện tích tự nhiên 66,9 km², quy mô dân số là 6.403 người của xã Tam Giang Đông thuộc huyện Năm Căn.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tam Giang có diện tích tự nhiên 205,2 km² (đạt 684% so với quy định), quy mô dân số 23.277 người (đạt 145,48% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp Biển Đông; Phía Tây giáp xã Năm Căn; Phía Nam giáp xã Tân Ân; Phía Bắc giáp xã Thanh Tùng và xã Quách Phẩm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Tam Giang (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (xã Tam Giang Đông được tách ra từ xã Tam Giang), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào sản xuất nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

²⁶ địa danh Năm Căn gắn liền với 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đã đi sâu vào lòng người; nhiều công trình, dấu ấn lịch sử mang tên Năm Căn như: Trận Bao vây Bức rút chỉ khu Năm Căn, cầu Năm Căn, của Năm Căn,...

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Tam Giang” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Tam Giang”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Tam Giang đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

32. Thành lập xã Cái Đôi Vàm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 24,0 km², quy mô dân số 18.291 người của thị trấn Cái Đôi Vàm thuộc huyện Phú Tân; toàn bộ diện tích tự nhiên 107,1 km², quy mô dân số 18.153 người của Xã Nguyễn Việt Khái thuộc huyện Phú Tân.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cái Đôi Vàm diện tích tự nhiên 131,1 km² (đạt 437% so với quy định), quy mô dân số 36.444 người (đạt 227,78% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Xã Nguyễn Việt Khái; Phía Tây giáp Vĩnh Thái Lan; Phía Nam giáp xã Đất Mới; Phía Bắc giáp xã Phú Tân.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn Cái Đôi Vàm (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập (tách ra từ Xã Nguyễn Việt Khái²⁷), bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán đồng nhất; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng, kinh tế biển) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

²⁷ Ngày 29/8/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 109-CP về việc thành lập thị trấn Cái Đôi Vàm trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Nguyễn Việt Khái.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Cái Đôi Vàm” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương, địa danh cửa biển Cái Đôi Vàm một trong những cửa biển lớn nhất của tỉnh Cà Mau. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở là vị trí trung tâm của huyện cũ và xã mới, có hệ thống giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

33. Thành lập Xã Nguyễn Việt Khái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 42,3 km², quy mô dân số 14.666 người của xã Tân Hưng Tây thuộc huyện Phú Tân; toàn bộ diện tích tự nhiên 48,1 km², quy mô dân số 11.459 người của xã Rạch Chèo thuộc huyện Phú Tân; toàn bộ diện tích tự nhiên 39,5 km², quy mô dân số 11.182 người của xã Việt Thắng thuộc huyện Phú Tân.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nguyễn Việt Khái có diện tích tự nhiên 129,9 km² (đạt 433% so với quy định), quy mô dân số 37.307 người (đạt 233,17% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Cái Nước; Phía Tây giáp xã Cái Đôi Vàm và xã Phú Tân; Phía Nam giáp xã Đất Mới; Phía Bắc giáp xã Phú Mỹ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Tân Hưng Tây (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “Xã Nguyễn Việt Khái” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, đồng thời thể

hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa và tri ân chiến công của anh hùng Nguyễn Việt Khái (1940 - 1963) là một du kích địa phương chiến đấu chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Tên gọi ĐVHC mới này phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời, tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

34. Thành lập xã Phú Tân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 44,2 km², quy mô dân số 13.071 người của xã Tân Hải thuộc huyện Phú Tân và toàn bộ diện tích tự nhiên 57,5 km², quy mô dân số 20.310 người của xã Phú Tân thuộc huyện Phú Tân.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Tân có diện tích tự nhiên 101,7 km² (đạt 339% so với quy định), quy mô dân số 33.381 người (đạt 208,63% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Phú Mỹ và Xã Nguyễn Việt Khái; Phía Tây giáp Vĩnh Thái Lan; Phía Nam giáp xã Cái Đôi Vàm và Xã Nguyễn Việt Khái; Phía Bắc giáp xã Sông Đốc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Phú Tân (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (đều tách ra từ xã Phú Tân²⁸), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản, kinh tế biển) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Phú Tân” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp và tên của huyện cũ - huyện Phú Tân, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa

²⁸ Ngày 22/4/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2003/NĐ-CP về việc thành lập xã Tân Hải trên cơ sở 4.233,56 ha diện tích tự nhiên và 9.532 người của xã Phú Tân.

phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

35. Thành lập xã Phú Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 43,2 km², quy mô dân số 13.845 người của xã Phú Thuận thuộc huyện Phú Tân; toàn bộ diện tích tự nhiên 44,6 km², quy mô dân số 12.311 người của xã Phú Mỹ thuộc huyện Phú Tân; một phần xã Hòa Mỹ thuộc huyện Cái Nước có diện tích tự nhiên 0,007 km², quy mô dân số 49 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Mỹ có diện tích tự nhiên 87,81 km² (đạt 292,69% so với quy định), quy mô dân số 26.205 người (đạt 163,78% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Hưng Mỹ và xã Cái Nước; Phía Tây giáp xã Phú Tân; Phía Nam giáp Xã Nguyễn Việt Khái; Phía Bắc giáp Xã Trần Văn Thời.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Phú Thuận (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành (xã Phú Thuận và xã Phú Mỹ trước đây là xã Phú Mỹ A), văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Phú Mỹ” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Phú Mỹ”, một địa danh có từ lâu đời và giàu truyền thống cách mạng. Xã Phú Mỹ đã được phong tặng danh hiệu

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

36. Thành lập Xã Lương Thế Trân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 31,1 km², quy mô dân số 13.608 người của Xã Lương Thế Trân thuộc huyện Cái Nước; toàn bộ diện tích tự nhiên 33,5 km², quy mô dân số 18.763 người của xã Thạnh Phú thuộc huyện Cái Nước; toàn bộ diện tích tự nhiên 43,5 km², quy mô dân số 20.727 người của xã Phú Hưng thuộc huyện Cái Nước; phần xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời có diện tích tự nhiên 27,80 km², quy mô dân số 9.844 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Lương Thế Trân có diện tích tự nhiên 135,90 km² (đạt 453% so với quy định), quy mô dân số 62.942 người (đạt 393,38% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Trần Phán, Phường Lý Văn Lâm và phường Hòa Thành; Phía Tây giáp xã Khánh Bình và Xã Trần Văn Thời; Phía Nam giáp xã Tân Hưng và xã Hưng Mỹ; Phía Bắc giáp Phường Lý Văn Lâm và xã Khánh Bình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Phú Hưng (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “Xã Lương Thế Trân” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể

hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Lương Thế Trân”, một địa danh có từ lâu đời và giàu truyền thống cách mạng. Xã Lương Thế Trân đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

37. Thành lập xã Tân Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 56,2 km², quy mô dân số 21.334 người của xã Tân Hưng thuộc huyện Cái Nước; một phần xã Đông Hưng thuộc huyện Cái Nước có diện tích tự nhiên 29,6 km², quy mô dân số 11.589 người²⁹; một phần xã Đông Thới thuộc huyện Cái Nước³⁰ có diện tích tự nhiên 2,91 km² và quy mô dân số 924 người; một phần xã Hòa Mỹ thuộc huyện Cái Nước có diện tích tự nhiên 3,7 km², quy mô dân số 1.375 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Hưng có diện tích tự nhiên 92,41 km² (đạt 308,03% so với quy định), quy mô dân số 35.222 người (đạt 220,13% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Trần Phán; Phía Tây giáp xã Hưng Mỹ và Xã Lương Thế Trân; Phía Nam giáp xã Cái Nước; Phía Bắc giáp Xã Lương Thế Trân.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Tân Hưng (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

²⁹ Chuyển về ĐVHC mới: Xã Cái Nước.

³⁰ Từ kinh Ông Phụng ngay lộ Tân Duyệt đến ngã tư Rạch Dục đến công Bảo Tròn.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Tân Hưng” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương³¹. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

38. Thành lập xã Hưng Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36 km², quy mô dân số 15.579 người của xã Hưng Mỹ thuộc huyện Cái Nước; một phần xã Hòa Mỹ thuộc huyện Cái Nước diện tích tự nhiên 30,2 km², quy mô dân số 9.949 người³²; một phần xã Tân Hưng Đông thuộc huyện Cái Nước diện tích tự nhiên 32,2 km², quy mô dân số 13.159 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hưng Mỹ có diện tích tự nhiên 98,4 km² (đạt 328% so với quy định), quy mô dân số 38.687 người (đạt 241,79% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tân Hưng; Phía Tây giáp xã Phú Mỹ và Xã Trần Văn Thời; Phía Nam giáp xã Cái Nước; Phía Bắc giáp Xã Lương Thế Trân và Xã Trần Văn Thời.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND xã Hưng Mỹ (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên - địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng

³¹ Cuối thế kỷ thứ XIX, xã Tân Hưng (ngày nay) thuộc làng Tân Hưng, tổng Quản Xuyên, tỉnh Hà Tiên. Năm 1858 - 1945, xã Tân Hưng là sự kế thừa của làng Tân Hưng thời thực dân Pháp. Sau nhiều lần chia tách, sáp nhập thì địa danh xã Tân Hưng vẫn còn giữ nguyên cho đến nay.

³² Chuyển về ĐVHC mới: xã Phú Mỹ.

không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên ĐVHC: Tên gọi “Xã Hưng Mỹ” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, đồng thời thể hiện sự tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa gắn với địa danh “Hưng Mỹ”, một địa danh có từ lâu và giàu truyền thống cách mạng. Xã Hưng Mỹ đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thể hiện vai trò đặc biệt trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Việc đặt tên này vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, vừa phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ Nhân dân địa phương trong quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

39. Thành lập xã Cái Nước trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 25,5 km², quy mô dân số 19.048 người của thị trấn Cái Nước thuộc huyện Cái Nước; toàn bộ diện tích tự nhiên 42,2 km², quy mô dân số 15.717 người của Xã Trần Thới; một phần xã Đông Hưng có diện tích tự nhiên 4,7 km², quy mô dân số 1.992 người; một phần xã Đông Thới thuộc huyện Cái Nước diện tích tự nhiên 25,55 km², quy mô dân số 9.958 người, một phần xã Tân Hưng Đông thuộc huyện Cái Nước có diện tích tự nhiên 20,3 km², quy mô dân số 7.682 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cái Nước diện tích tự nhiên 118,25 km² (đạt 394,16% so với quy định), quy mô dân số 54.397 người (đạt 339,98% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Quách Phẩm và xã Trần Phán; Phía Tây giáp xã Phú Mỹ và Xã Nguyễn Việt Khái; Phía Nam giáp xã Năm Căn, xã Đất Mũi và Xã Nguyễn Việt Khái; Phía Bắc giáp xã Hưng Mỹ và xã Tân Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND thị trấn Cái Nước (hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Về phương án: Các ĐVHC sáp nhập có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng lịch về sử hình thành, văn hóa, dân tộc và điều kiện tự nhiên; mức độ phát triển, cơ cấu kinh (chủ yếu dựa vào nuôi trồng thủy sản) và điều kiện tự nhiên địa lý phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, quản lý sau sáp

nhập. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ bảo đảm hiệu quả trong quản lý nhà nước, tăng cường năng lực điều hành của chính quyền địa phương, đồng thời mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao đời sống người dân.

- Về tên gọi: Tên gọi “xã Cái Nước” được lựa chọn nhằm kế thừa tên gọi truyền thống của một trong ĐVHC trước sắp xếp và tên của huyện cũ - huyện Cái Nước, đồng thời thể hiện sự tôn vinh các giá trị lịch sử - văn hóa đặc trưng của địa phương. Tên gọi này mang ý nghĩa kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống, góp phần tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Việc đặt tên ĐVHC mới phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được Nhân dân địa phương đồng thuận, thống nhất cao thông qua quá trình lấy ý kiến.

- Về trụ sở: Nơi đặt trụ sở có mật độ dân cư cao; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản, thông suốt, bảo đảm kết nối thuận lợi từ trung tâm xã đến từng ấp, hộ gia đình và các xã lân cận, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và người dân trong liên hệ công tác, thực hiện các giao dịch hành chính. Trụ sở hành chính mới xây dựng đáp ứng yêu cầu hoạt động, còn quỹ đất để mở rộng khi cần; đồng thời tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, vừa bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của bộ máy chính quyền sau sắp xếp.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU

Trước khi sắp xếp, tỉnh Cà Mau có 100 ĐVHC cấp xã (gồm 82 xã, 09 phường và 09 thị trấn).

Sau khi sắp xếp, tỉnh Cà Mau còn 39 ĐVHC cấp xã (gồm 35 xã và 04 phường); giảm 61 ĐVHC cấp xã (gồm 47 xã, 05 phường và 09 thị trấn).

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Tổ chức Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập đảng bộ mới trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất tổ chức Đảng của ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp; đồng thời chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy của Đảng bộ mới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Về nhiệm kỳ của Đảng bộ mới thành lập, số lượng cấp ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư cấp ủy; số lượng ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra cấp ủy của Đảng bộ mới thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Trung ương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã mới: Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh quyết định thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã mới, công nhận danh sách Ủy viên Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b) Hội đồng nhân dân cấp xã

- Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định 01 triệu tập viên trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của ĐVHC mới. Triệu tập viên triệu tập và làm chủ tọa kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân ở ĐVHC mới để bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới được bầu làm chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân của ĐVHC mới bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân³³.

- Về Đại biểu Hội đồng nhân dân³⁴:

+ Trường hợp thành lập mới 01 ĐVHC trên cơ sở nguyên trạng ĐVHC đã có thì đại biểu của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân ở ĐVHC cũ chuyển thành đại biểu của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân ở ĐVHC mới.

+ Trường hợp nhiều ĐVHC nhập thành 01 ĐVHC mới cùng cấp thì đại biểu Hội đồng nhân dân của các ĐVHC cũ được hợp thành Hội đồng nhân dân của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

+ Trường hợp thành lập mới 01 ĐVHC trên cơ sở điều chỉnh một phần địa phận và dân cư của các ĐVHC cùng cấp thì đại biểu Hội đồng nhân dân cấp đó đang cư trú hoặc công tác ở địa phận đó được hợp thành Hội đồng nhân dân của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động ở đơn vị mới cho đến khi hết nhiệm kỳ.

- Về cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp xã, gồm: Chủ tịch (chức danh kiêm nhiệm) và 01 Phó Chủ tịch (chức danh chuyên trách); Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội; mỗi ban có Trưởng Ban (chức danh kiêm nhiệm) và 01 Phó Trưởng ban (chức danh chuyên trách). Tổng số có 03 biên chế (chuyên trách).

- Việc tổ chức của Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân sau sắp xếp thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

³³ Theo dự thảo Luật Chính quyền địa phương (sửa đổi).

³⁴ Theo dự thảo Luật Chính quyền địa phương (sửa đổi).

c) Ủy ban nhân dân cấp xã

- Kể từ ngày nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở ĐVHC sau sắp xếp chính thức hoạt động³⁵.

- Cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã, gồm:

+ Chủ tịch (chức danh chuyên trách) và 02 Phó Chủ tịch (01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công).

+ Tối đa 04 phòng chuyên môn và tương đương gồm: (1) Văn phòng HĐND và UBND, (2) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường), (3) Phòng Văn hóa - Xã hội, (4) Trung tâm phục vụ hành chính công (tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã). Mỗi phòng chuyên môn và tương đương có Trưởng phòng (chức danh chuyên trách hoặc do Phó Chủ tịch UBND kiêm nhiệm) và 01 Phó Trưởng phòng (chức danh chuyên trách).

+ UBND cấp xã mới có biên quân 29 biên chế, gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch UBND; 06 lãnh đạo phòng và tương đương, mỗi phòng và tương đương bố trí 05 biên chế (tổng 04 phòng là 20 biên chế).

Đối với Xã Hồ Thị Kỳ (đơn vị giữ nguyên hiện trạng) tạm thời thực hiện theo cơ cấu tổ chức nêu trên, sau thời gian 01 năm thực hiện kể từ ngày có Quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Cà Mau có hiệu lực, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ đánh giá, rút kinh nghiệm và quyết định cơ cấu tổ chức cho phù hợp.

- Việc tổ chức Ủy ban nhân dân, các cơ quan của Ủy ban nhân dân cấp cấp xã sau sắp xếp thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

d) Công an cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự ở đơn vị hành chính cấp xã

Tổ chức và hoạt động của Công an cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

đ) Các đơn vị sự nghiệp³⁶

³⁵ Theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

³⁶ Điểm 2.7 khoản 2 mục II Công văn số 03/CV-BCD ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đối với sự nghiệp giáo dục: Chuyển nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp giáo dục (Trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, mẫu giáo) cho Ủy ban nhân dân cấp xã mới quản lý.

- Đối với sự nghiệp y tế: Duy trì các Trạm Y tế hiện có cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định tổ chức lại thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Đối với sự nghiệp khác (các Ban Quản lý dự án xây dựng, Ban Quản chợ,...): Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức lại thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phục vụ khu vực liên xã, phường.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Thực trạng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp huyện, cấp xã

- Cấp huyện:

Năm 2025, ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Cà Mau được giao 1.370 biên chế công chức, 13.338 số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong đó:

+ Khối Đảng, đoàn thể: 476 biên chế công chức và 28 số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

+ Khối chính quyền địa phương: 894 biên chế công chức và 13.310 số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Có mặt đến 15/4/2025: 1.294 cán bộ, công chức, 12.351 viên chức, trong đó: Khối Đảng, đoàn thể: 469 cán bộ, công chức, 26 viên chức; khối chính quyền địa phương: 825 công chức, 12.325 viên chức.

- Cấp xã:

Trước sắp xếp ĐVHC cấp xã, toàn tỉnh Cà Mau hiện có 1.085 cán bộ, 1.028 công chức, 1.507 người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

- Tổng số lượng cán bộ, công chức, viên chức hiện có sau sắp xếp: 1.256 cán bộ, 2.151 công chức, 12.351 viên chức và 1.507 người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

b) Đối với bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

- Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân,

cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng và việc bố trí lãnh đạo, quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp thực hiện theo quy định.

- Đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

+ Chuyển toàn bộ công chức có mặt đối với cấp huyện để bố trí biên chế cấp xã, trong đó: Thực hiện điều động, bố trí đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các ĐVHC cấp xã mới; điều động, bố trí công chức cấp huyện giữ các vị trí chủ chốt tại các phòng chuyên môn hoặc vị trí khác thuộc phòng chuyên môn thuộc ĐVHC cấp xã mới. Tiêu chuẩn các chức vụ lãnh đạo phải đảm bảo theo tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý cấp huyện. Hoàn thành chậm nhất đến ngày 30/6/2025.

+ Chuyển toàn bộ cán bộ, công chức cấp xã hiện có vào biên chế cấp xã sau sắp xếp. Tiêu chuẩn bố trí công chức chuyên môn, nghiệp vụ tại cấp xã phải đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm đối với công chức cấp huyện trở lên theo quy định. Hoàn thành chậm nhất đến ngày 15/7/2025.

+ Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025³⁷. Giao chính quyền cấp xã mới sau sắp xếp làm việc với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trước sắp xếp ĐVHC và xem xét bố trí tham gia công tác tại khóm, ấp (nếu có) và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

- Đối với viên chức:

+ Chuyển toàn bộ số lượng người làm việc (giữ nguyên biên chế do ngành giáo dục đang thiếu biên chế so định mức quy định), viên chức và người lao động có mặt tại các Trường Trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, mẫu giáo về Ủy ban nhân dân cấp xã mới quản lý. Hoàn thành chậm nhất đến ngày 01/7/2025.

+ Chuyển toàn bộ viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện đã giải thể về Ủy ban nhân dân cấp xã mới quản lý. Hoàn thành chậm nhất đến ngày 01/7/2025.

- Đối với người lao động tại cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan của Đảng, chính quyền cấp huyện

Thực hiện quy trình chấm dứt hợp đồng lao động (nghỉ việc kể từ ngày 01/7/2025) và trình cấp thẩm quyền giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

³⁷ Điều 2.6 khoản 2 mục II Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Phương án

- Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách.
- Giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp đảm bảo tiêu chuẩn để sắp xếp, bố trí công tác theo quy định pháp luật.
- Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC theo lộ trình quy định.

b) Lộ trình giải quyết

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện: Thực hiện rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời gian 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành đúng theo quy định của Chính phủ.
- Đối với người lao động tại cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan của Đảng, chính quyền cấp huyện: Chủ tịch UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách tinh giản biên chế do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Hoàn thành trước ngày 01/7/2025.
- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện có mặt: Chủ tịch UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã (đối với trường hợp không bố trí công tác theo quy định). Hoàn thành chậm nhất đến ngày 15/8/2025.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Trước khi sắp xếp có tổng số 1.630 trụ sở; sau sắp xếp tiếp tục sử dụng 1.531 trụ sở; dôi dư 99 trụ sở.

2. Thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC, cụ thể như sau:

- Rà soát, tạm dừng phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư công.
- Kịp thời cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công sở, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm khai thác hiệu quả tài sản công hiện có. Nghiên cứu đề bố trí, lựa chọn trụ

sở của các cơ quan dư thừa sử dụng làm trụ sở cho các cơ quan chuyên môn hoặc thành điểm trường phục vụ giáo dục, sinh hoạt cộng đồng.

Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dư được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 7 Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Đối với tài sản công dư nếu có, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, thống kê, xây dựng phương án tiếp tục bố trí, sử dụng, thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác hiện còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức (đối với tài sản còn sử dụng được) hoặc tổ chức thanh lý tài sản (đối với tài sản hư hỏng, không thể sử dụng) theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, bảo đảm trong vòng 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp cam kết hoàn thành việc việc sắp xếp, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

Sau khi ĐVHC cấp xã mới đi vào hoạt động ổn định, Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu quy hoạch, xây dựng các trung tâm hành chính - chính trị mới hợp lý, phù hợp với xu thế phát triển chung và tạo ra không gian phát triển mới.

VII. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Hiện nay, tỉnh Cà Mau được công nhận 01 thị trấn và 02 xã đảo³⁸ theo Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 07/3/2016 và Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 09/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; 06 xã vùng dân tộc thiểu số (01 xã khu vực I và 05 xã khu vực II) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025³⁹; 06 xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025⁴⁰; 32 ấp, khóm thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và 31 xã An toàn khu Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ⁴¹. Hiện nay, các chính sách được triển khai thực hiện đầy đủ theo quy định.

³⁸ Thị trấn Sông Đốc, xã Khánh Bình Tây thuộc Huyện Trần Văn Thời và xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển

³⁹ Gồm: 05 xã khu vực III (xã Khánh Thuận, Khánh Lâm thuộc huyện U Minh; xã Ngọc Chánh, Thanh Tùng, Quách Phẩm Bắc thuộc huyện Đầm Dơi) và 01 phường khu vực I (Phường 2 thuộc thành phố Cà Mau).

⁴⁰ Gồm: xã Ngọc Chánh, Quách Phẩm Bắc thuộc huyện Đầm Dơi; xã Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Khánh Thuận thuộc huyện U Minh; xã Đất Mũi thuộc huyện Ngọc Hiển.

⁴¹ Gồm: xã Biển Bạch Đông, Biển Bạch, Tân Bằng, Trí Phài, Trí Lực thuộc huyện Thới Bình; xã Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Khánh Hòa thuộc huyện U Minh; xã Tạ An Khuong, Tân Đức, Tân Thuận, Tân Tiến, Trần Phán, Tân

Sau khi thực hiện sắp xếp, người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền⁴². Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sẽ rà soát, đánh giá hiệu quả chế độ, chính sách sau sắp xếp để báo cáo cấp thẩm quyền có điều chỉnh kịp thời.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tiếp tục phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền, triển khai đầy đủ các văn bản của Trung ương và của tỉnh, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân hiểu rõ về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của việc thực hiện sắp xếp, điều chỉnh các ĐVHC cấp xã.

2. Sở Nội vụ

- Tham mưu tổ chức triển khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên tham mưu: Sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy; bố trí đội ngũ cán bộ, công chức; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư; điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức, viên chức; phân loại lại ĐVHC cấp xã; triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã theo quy định.

- Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, điều chỉnh ĐVHC cấp xã đúng theo tiến độ, thời gian quy định.

- Hướng dẫn việc công nhận vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh việc thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; về xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền địa phương cấp cơ sở (cấp xã), cấp tỉnh và liên thông với Trung ương.

Duyệt, Nguyễn Huân, Thanh Tùng thuộc huyện Dầm Dơi; xã Khánh Bình Đông, Khánh Bình Tây, Khánh Hưng, Khánh Lộc, Phong Lạc, Trần Hợi thuộc huyện Trần Văn Thời; xã Nguyễn Việt Khai, Phú Mỹ, Phú Thuận thuộc huyện Phú Tân; xã Tân Ân, Viên An Đông và thị trấn Rạch Gốc thuộc huyện Ngọc Hiển; xã Hưng Mỹ, Trần Thới thuộc huyện Cái Nước; xã An Xuyên thuộc thành phố Cà Mau.

⁴² Theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan để bảo đảm sự thống nhất giữa các quy hoạch này với Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã; đề xuất các biện pháp để đảm bảo hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí về phân loại đô thị sau khi hoàn thành sắp xếp ĐVHC. Tổ chức rà soát, đánh giá mức độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với phường, thị trấn khi thực hiện sắp xếp ĐVHC đô thị.

- Hướng dẫn rà soát, đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn bảo đảm khoa học, nhất quán và đồng bộ ở khu vực đô thị, nông thôn, đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước, gắn với việc đồng bộ, liên thông dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, hệ thống thông tin.... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực nhà nước của Sở Xây dựng.

5. Sở Tài chính

- Hướng dẫn việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của ĐVHC cũ, thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC.

- Hướng dẫn việc chuyển đổi Giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp và tổ chức chính quyền 02 cấp.

- Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách theo các Chương trình mục tiêu quốc gia khi thực hiện sắp xếp ĐVHC, xã đảo, xã An toàn khu, vùng An toàn khu.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát, xác định diện tích tự nhiên các ĐVHC cấp xã trước và sau khi sắp xếp; xây dựng các bản đồ liên quan đến Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã theo yêu cầu hồ sơ sắp xếp, điều chỉnh, thành lập ĐVHC; chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Hướng dẫn thực hiện các quy định xây dựng Nông thôn mới và các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới tại ĐVHC cơ sở.

- Hướng dẫn chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, cơ sở dữ liệu đất đai.... và các vấn đề khác có liên quan.

7. Sở Tư pháp: Kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực hộ tịch; hướng dẫn theo thẩm quyền việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

8. Sở Y tế: Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở y tế tại các ĐVHC cấp xã

sau sắp xếp.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn rà soát, bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xác định ĐVHC có di tích được công nhận, xếp hạng là di tích công nhận, xếp hạng cấp tỉnh, quốc gia.

11. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Hướng dẫn rà soát, lập quy trình, thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận ĐVHC cấp xã (mới) thuộc khu vực thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khóm đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

12. Công An tỉnh: Sắp xếp đội ngũ Công an cấp xã thuộc quyền; hướng dẫn, thực hiện việc thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới đối ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã do thực hiện sắp xếp.

13. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; đánh giá, phân loại, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức tại ĐVHC cấp xã mới hình thành sau sắp xếp, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Rà soát, xây dựng phương án tiếp nhận, bàn giao, sử dụng các trụ sở làm việc, tài sản, cơ sở vật chất của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát.

- Thực hiện việc quản lý công tác văn thư, lưu trữ khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã theo quy định.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền và triển khai việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi do thay đổi địa giới ĐVHC.

- Rà soát, lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận các chế độ, chính sách đối với các ĐVHC mới theo hướng dẫn của các sở, ban, ngành tỉnh và Trung ương.

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết và phù hợp với chủ trương của Đảng, đúng với quy định hiện hành, sự đồng thuận cao trong cán bộ, Nhân dân; phù hợp với thực tiễn địa phương, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, tổ chức hợp lý các ĐVHC, tinh gọn tổ chức, bộ máy, giảm số lượng người làm việc, giảm chi ngân sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý, phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Việc xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã là việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quá trình đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; là việc làm thiết thực, phù hợp yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển trong thời gian tới.

Việc sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế là vấn đề khó khăn, phức tạp và nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến hoạt động của các tổ chức và quyền lợi của cán bộ, công chức,... Vì vậy, để thực hiện hiệu quả Đề án, đòi hỏi phải có quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; phải xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện rõ ràng, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

2. Kiến nghị, đề xuất

Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Chính phủ sớm ban hành tiêu chí bố trí biên chế cán bộ, công chức theo vị trí việc làm trên cơ sở quy mô dân số, diện tích tự nhiên của các ĐVHC cấp xã để địa phương triển khai thực hiện.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- NC (CT.02/ĐA);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Thành Ngại



TỈNH CÀ MAU

Phụ lục 2.1

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
I	Thành phố Cà Mau	249,6	166,4	259.288					16	
1	Các xã									
1.1	Xã An Xuyên	36,6	122,0	16.819	105,1				X	
1.2	Xã Định Bình	22,7	75,7	10.923	68,3				X	
1.3	Xã Hòa Tân	33,1	110,3	11.807	73,8				X	
1.4	Xã Hòa Thành	31,2	104,0	13.384	83,7				X	
1.5	Xã Lý Văn Lâm	24,2	80,7	19.482	121,8				X	
1.6	Xã Tắc Vân	5,6	18,7	14.373	89,8				X	
1.7	Xã Tân Thành	24,2	80,7	10.394	65,0				X	
2	Các phường									
2.1	Phường 1	3,7	67,3	16.081	76,6				X	
2.2	Phường 2	2,4	43,6	21.785	103,7			Xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (QĐ 861)	X	
2.3	Phường 5	2,0	36,4	23.680	112,8				X	
2.4	Phường 6	12,6	229,1	25.233	120,2				X	
2.5	Phường 7	3,1	56,4	13.004	61,9				X	
2.6	Phường 8	9,8	178,2	27.578	131,3				X	
2.7	Phường 9	6,5	118,2	16.515	78,6				X	
2.8	Phường Tân Thành	11,2	203,6	8.127	38,7				X	
2.9	Phường Tân Xuyên	20,7	376,4	10.103	48,1				X	
II	Huyện U Minh	775,9	172,42	136.371					8	
1	Xã Khánh An	156,4	521,3	20.728	129,6				X	



STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
2	Xã Khánh Lâm	108,7	362,3	19.454	121,6			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)	X	(1) Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (QĐ 353); (2) Xã An toàn khu (QĐ 891)
3	Xã Khánh Hội	35,1	117,0	14.469	90,4				X	
4	Thị trấn U Minh	18,3	130,7	8.587					X	
5	Xã Khánh Thuận	168,6	562,0	17.111	106,9			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861);	X	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (QĐ 353);
6	Xã Khánh Hòa	65,4	218,0	13.077	81,7				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
7	Xã Khánh Tiến	66,3	221,0	15.835	99,0				X	
8	Xã Nguyễn Phích	157,1	523,7	27.110	169,4				X	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (QĐ 353); Xã An toàn khu (QĐ 891)
III	Huyện Thới Bình	636,3	141,40	186.321					11	
1	Xã Biển Bạch	41,7	139,0	9.072	56,7				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
2	Xã Tân Bằng	45,1	150,3	12.139	75,9				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
3	Xã Biển Bạch Đông	71,4	238,0	14.491	90,6				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
4	Thị trấn Thới Bình	21,0	150,0	13.030					X	
5	Xã Trí Lực	35,3	117,7	9.610	60,1				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
6	Xã Trí Phải	37,4	124,7	17.321	108,3				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
7	Xã Hồ Thị Kỳ	93,6	312,0	27.283	170,5					



STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
8	Xã Tân Lộc	27,6	92,0	14.744	92,2				X	
9	Xã Tân Lộc Đông	41,1	137,0	7.906	49,4				X	
10	Xã Tân Lộc Bắc	28,1	93,7	12.800	80,0				X	
11	Xã Tân Phú	93,9	313,0	22.839	142,7				X	
12	Xã Thới Bình	100,0	333,3	25.086	156,8				X	
IV	Huyện Trần Văn Thời	703,5	156,33	243.822					13	
1	Thị trấn Sông Đốc	28,9	206,4	34.514				Thị trấn đảo (QĐ 1755)	X	
2	Xã Phong Điền	72,2	240,7	16.594	103,7				X	
3	Xã Phong Lạc	33,4	111,3	11.725	73,3				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
4	Thị trấn Trần Văn Thời	21,4	152,9	14.089					X	
5	Xã Khánh Bình	36,9	123,0	14.382	89,9				X	
6	Xã Khánh Bình Đông	67,6	225,3	25.441	159,0				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
7	Xã Khánh Bình Tây	51,2	170,7	19.357	121,0			Xã đảo (QĐ 362)	X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
8	Xã Khánh Bình Tây Bắc	95,6	318,7	20.330	127,1				X	
9	Xã Khánh Hải	62,9	209,7	16.832	105,2				X	
10	Xã Khánh Hưng	66,7	222,3	24.380	152,4				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
11	Xã Khánh Lộc	28,4	94,7	10.940	68,4				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
12	Xã Lợi An	45,9	153,0	16.514	103,2				X	
13	Xã Trần Hợi	92,4	308,0	18.724	117,0				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
V	Huyện Cái Nước	417,2	92,71	181.453					11	
1	Thị trấn Cái Nước	25,5	182,1	19.048					X	
2	Xã Đông Hưng	34,3	114,3	13.581	84,9				X	
3	Xã Đông Thới	28,5	95,0	10.882	68,0				X	
4	Xã Hòa Mỹ	33,9	113,0	11.373	71,1				X	



STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
5	Xã Hưng Mỹ	36,0	120,0	15.579	97,4				X	
6	Xã Lương Thế Trân	31,1	103,7	13.608	85,1				X	
7	Xã Phú Hưng	43,5	145,0	20.727	129,5				X	



STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
8	Xã Tân Hưng	56,2	187,3	21.334	133,3				X	
9	Xã Tân Hưng Đông	52,5	175,0	20.841	130,3				X	
10	Xã Thạnh Phú	33,5	111,7	18.763	117,3				X	
11	Xã Trần Thới	42,2	140,7	15.717	98,2				X	
VI	Huyện Đầm Dơi	816,0	181,33	226.118					16	
1	Thị trấn Đầm Dơi	10,6	75,7	11.133					X	
2	Xã Ngọc Chánh	42,3	141,0	14.004	87,5			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)	X	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (QĐ 353)
3	Xã Nguyễn Huân	114,1	380,3	18.318	114,5				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
4	Xã Quách Phẩm	37,5	125,0	13.825	86,4				X	
5	Xã Quách Phẩm Bắc	36,3	121,0	15.019	93,9			Xã vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)	X	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (QĐ 353)
6	Xã Tạ An Khương	37,7	125,7	12.755	79,7				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
7	Xã Tạ An Khương Đông	36,4	121,3	11.111	69,4				X	
8	Xã Tạ An Khương Nam	31,0	103,3	9.610	60,1				X	
9	Xã Tân Dân	32,3	107,7	7.365	46,0				X	
10	Xã Tân Đức	63,0	210,0	16.018	100,1				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
11	Xã Tân Duyệt	52,4	174,7	19.311	120,7				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
12	Xã Tân Thuận	106,8	356,0	19.455	121,6				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
13	Xã Tân Tiến	93,1	310,3	15.676	98,0				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
14	Xã Tân Trung	33,1	110,3	12.344	77,2				X	



STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
15	Xã Thanh Tùng	47,6	158,7	12.569	78,6			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)	X	Xã An toàn khu (QĐ 891)



STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
16	Xã Trần Phán	41,8	139,3	17.605	110,0				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
VII	Huyện Năm Căn	490,7	109,04	81.095					8	
1	Thị trấn Năm Căn	27,0	192,9	23.382					X	
2	Xã Đất Mới	68,1	227,0	9.181	57,4				X	
3	Xã Hàm Rồng	42,1	140,3	7.732	48,3				X	
4	Xã Hàng Vịnh	24,8	82,7	8.023	50,1				X	
5	Xã Hiệp Tùng	36,6	122,0	7.707	48,2				X	
6	Xã Lâm Hải	123,5	411,7	9.500	59,4				X	
7	Xã Tam Giang	101,7	339,0	9.167	57,3				X	
8	Xã Tam Giang Đông	66,9	223,0	6.403	40,0				X	
VIII	Huyện Phú Tân	450,45	100,1	133.288					9	
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	24,0	171,4	18.291					X	
2	Xã Nguyễn Việt Khái	107,1	356,8	18.153	113,5				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
3	Xã Phú Mỹ	44,6	148,7	12.311	76,9				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
4	Xã Phú Tân	57,5	191,7	20.310	126,9				X	
5	Xã Phú Thuận	43,2	144,0	13.845	86,5				X	Xã An toàn khu (QĐ 891)
6	Xã Rạch Chèo	48,1	160,3	11.459	71,6				X	
7	Xã Tân Hải	44,2	147,3	13.071	81,7				X	
8	Xã Tân Hưng Tây	42,3	141,0	14.666	91,7				X	
9	Xã Việt Thắng	39,5	131,7	11.182	69,9				X	
IX	Huyện Ngọc Hiển	734,8	163,29	92.413					7	
1	Thị trấn Rạch Gốc	45,8	327,1	13.930					X	
2	Xã Đất Mũi	147,2	490,7	18.032	112,7				X	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (QĐ 353)
3	Xã Tam Giang Tây	111,8	372,7	13.179	82,4				X	



STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp	Ghi chú
		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %					
4	Xã Tân An	62,5	208,3	6.590	41,2			Xã đảo (QĐ 362)	X	
5	Xã Tân An Tây	106,5	355,0	10.608	66,3				X	
6	Xã Viên An	126,8	422,7	15.266	95,4				X	
7	Xã Viên An Đông	134,2	447,3	14.808	92,6				X	

Ghi chú:

- Cột 2: Diện tích tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp tại Công văn số 1019/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cột 4: Quy mô dân số thường trú do Công an tỉnh cung cấp tại Công văn số 919/CAT-QLHC ngày 11/4/2025 của Công an tỉnh Cà Mau.
- Cột 3, 5: Tỷ lệ % diện tích tự nhiên và quy mô dân số thực hiện theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.
- Cột 8, cột 10: Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm: (1) Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 07/3/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Cà Mau; (2) Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 09/11/2027 về việc công nhận thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là thị trấn đảo; (3) Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; (4) Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.



TỈNH CÀ MAU

Phụ lục 2.2

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên ĐHVC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
	Huyện Thới Bình							
1	Xã Hồ Thị Kỷ	93,6	312,0	27.283	170,5			



THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025
Kèm theo Đề án số 4/ĐA-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cà Mau

STT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I		Thành phố Cà Mau								
	Các Phường									
1	Phường An Xuyên	Sáp nhập Phường 1, Phường 2, Phường 9, Phường Tân Xuyên và xã An Xuyên thuộc thành phố Cà Mau	4	69,90	1.270,91	81.303	387,16			Xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (QĐ 861)
2	Phường Lý Văn Lâm	Sáp nhập Phường 8, xã Lý Văn Lâm thuộc thành phố Cà Mau và một phần xã Lợi An thuộc huyện Trần Văn Thời	1	44,50	809,09	50.014	238,16			
3	Phường Tân Thành	Sáp nhập Phường 5, Phường Tân Thành, xã Tân Thành, một phần Phường 6, một phần Phường 7, một phần xã Định Bình và một phần Xã Tắc Vân thuộc thành phố Cà Mau	2	48,42	880,30	83.758	398,85			
4	Phường Hòa Thành	Sáp nhập xã Hòa Tân, xã Hòa Thành, một phần xã Tắc Vân, một phần xã Định Bình, phần còn lại của Phường 6 và phần còn lại của Phường 7 thuộc thành phố Cà Mau	5	97,29	1.768,92	47.167	224,60			
II		Huyện Đầm Dơi								
	Các Xã									
5	Xã Tân Thuận	Sáp nhập xã Tân Thuận và xã Tân Đức thuộc huyện Đầm Dơi	1	169,80	566,00	35.473	221,71			





STT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km2)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Xã Tân Tiến	Sáp nhập xã Tân Tiến và xã Nguyễn Huân thuộc huyện Đầm Dơi	1	207,20	690,67	33.994	212,46			
7	Xã Tạ An Khương	Sáp nhập xã Tạ An Khương Đông, xã Tạ An Khương Nam và một phần xã Tạ An Khương thuộc huyện Đầm Dơi	2	104,20	347,33	33.179	207,37			
8	Xã Trần Phán	Sáp nhập xã Tân Trung và xã Trần Phán thuộc huyện Đầm Dơi	1	74,90	249,67	29.949	187,18			
9	Xã Thanh Tùng	Sáp nhập xã Thanh Tùng và xã Ngọc Chánh thuộc huyện Đầm Dơi	1	89,90	299,67	26.573	166,08			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)
10	Xã Đầm Dơi	Sáp nhập Thị trấn Đầm Dơi, xã Tân Dân, xã Tân Duyệt và phần còn lại xã Tạ An Khương thuộc huyện Đầm Dơi	2	96,20	320,67	38.106	238,16			
11	Xã Quách Phẩm	Sáp nhập xã Quách Phẩm và xã Quách Phẩm Bắc thuộc huyện Đầm Dơi	1	73,80	246,00	28.844	180,28			Xã vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)
III		Huyện U Minh								
	Các Xã									
12	Xã U Minh	Sáp nhập xã Khánh Tiến, xã Khánh Hòa, một phần xã Khánh Thuận và một phần xã Khánh Lâm thuộc huyện U Minh	1	145,00	483,33	32.991	206,19			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)
13	Xã Nguyễn Phích	Sáp nhập Thị trấn U Minh, phần còn lại của xã Khánh Thuận và một phần xã Nguyễn Phích thuộc huyện U Minh	1	245,00	816,67	37.330	233,31			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)
14	Xã Khánh Lâm	Sáp nhập xã Khánh Hội, phần còn lại của xã Khánh Lâm và một phần của xã Nguyễn Phích thuộc huyện U Minh	1	208,20	694,00	38.880	243,00			Xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số (QĐ 861)
15	Xã Khánh An	Sáp nhập xã Khánh An và phần còn lại của xã Nguyễn Phích thuộc huyện U Minh	1	177,70	592,33	27.170	169,81			



STT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
IV		Huyện Ngọc Hiển								
	Các Xã									
16	Xã Phan Ngọc Hiển	Sáp nhập Thị trấn Rạch Gốc, xã viên An Đông và một phần xã Tân Ân	2	237,70	792,33	35.328	220,80			Xã đảo (QĐ 362)



	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	Xã Đất Mũi	Sáp nhập xã Đất Mũi, một phần xã Viên An và một phần xã Tân Ân (cụm đảo Hòn Khoai) thuộc huyện Ngọc Hiển	1	271,20	904,00	33.298	208,11			
18	Xã Tân Ân	Sáp nhập xã Tam Giang Tây và xã Tân Ân Tây thuộc huyện Ngọc Hiển	1	218,30	727,67	23.787	148,67			
V		Huyện Trần Văn Thời								
	Các Xã									
19	Xã Khánh Bình	Sáp nhập xã Khánh Bình và xã Khánh Bình Đông thuộc huyện Trần Văn Thời	1	104,50	348,33	39.823	248,89			
20	Xã Đá Bạc	Sáp nhập xã Khánh Bình Tây (bao gồm Hòn Đá Bạc), xã Khánh Bình Tây Bắc và một phần xã Trần Hợi thuộc huyện Trần Văn Thời	2	211,90	706,33	41.022	256,39			Xã đảo (QĐ 362)
21	Xã Khánh Hưng	Sáp nhập xã Khánh Hải và xã Khánh Hưng thuộc huyện Trần Văn Thời.	1	129,60	432,00	41.212	257,58			
22	Xã Sông Đốc	Sáp nhập Thị trấn Sông Đốc (bao gồm cụm đảo Hòn Chuối) và một phần xã Phong Điền thuộc huyện Trần Văn Thời	1	83,95	279,83	46.353	289,71			Thị trấn đảo (QĐ 1755)
23	Xã Trần Văn Thời	Sáp nhập Thị trấn Trần Văn Thời, xã Khánh Lộc, xã Phong Lạc, phần còn lại của xã Phong Điền, phần còn lại của xã Trần Hợi và một phần xã Lợi An thuộc huyện Trần Văn Thời	3	128,72	429,07	59.365	371,03			
VI		Huyện Thới Bình								
	Các Xã									
24	Xã Thới Bình	Sáp nhập Thị trấn Thới Bình và xã Thới Bình thuộc huyện Thới Bình	1	121,00	403,33	38.116	238,23			



STT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25	Xã Trí Phải	Sáp nhập xã Trí Phải, xã Trí Lực và xã Tân Phú thuộc huyện Thới Bình	2	166,60	555,33	49.770	311,06			
26	Xã Tân Lộc	Sáp nhập xã Tân Lộc, xã Tân Lộc Bắc và xã Tân Lộc Đông thuộc huyện Thới Bình	2	96,80	322,67	35.450	221,56			
27	Xã Hồ Thị Kỳ	Giữ nguyên hiện trạng	0	93,60	312,00	27.283	170,52			
28	Xã Biển Bạch	Sáp nhập xã Biển Bạch, xã Biển Bạch Đông và xã Tân Bằng thuộc huyện Thới Bình	2	158,20	527,33	35.702	223,14			
VII		Huyện Năm Căn								
	Các Xã									
29	Xã Đất Mới	Sáp nhập xã Lâm Hải, xã Đất Mới, một phần thị trấn Năm Căn, một phần xã Hàm Rồng thuộc huyện Năm Căn và một phần xã Viên An thuộc huyện Ngọc Hiển	1	222,94	743,13	27.683	173,02			



STT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30	Xã Năm Căn	Sáp nhập xã Hàng Vĩnh, phần còn lại xã Hàm Rồng và phần còn lại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn	2	70,06	233,53	30.135	188,34			
31	Xã Tam Giang	Sáp nhập xã Tam Giang, xã Hiệp Tùng và xã Tam Giang Đông thuộc huyện Năm Căn	2	205,20	684,00	23.277	145,48			
VIII		Huyện Phú Tân								
	Các Xã									
32	Xã Cái Đôi Vàm	Sáp nhập Thị trấn Cái Đôi Vàm và xã Nguyễn Việt Khái thuộc huyện Phú Tân	1	131,10	437,00	36.444	227,78			
33	Xã Nguyễn Việt Khái	Sáp nhập xã Tân Hưng Tây, xã Rạch Chèo và xã Việt Thắng thuộc huyện Phú Tân	2	129,90	433,00	37.307	233,17			
34	Xã Phú Tân	Sáp nhập xã Tân Hải và xã Phú Tân thuộc huyện Phú Tân	1	101,70	339,00	33.381	208,63			
35	Xã Phú Mỹ	Sáp nhập xã Phú Thuận, xã Phú Mỹ thuộc huyện Phú Tân và một phần xã Hòa Mỹ thuộc huyện Cái Nước	1	87,81	292,69	26.205	163,78			
IX		Huyện Cái Nước								
	Các Xã									
36	Xã Lương Thế Trân	Sáp nhập xã Lương Thế Trân, xã Thạnh Phú và xã Phú Hưng thuộc huyện Cái Nước và một phần của xã Lợi An thuộc huyện Trần Văn Thời	2	142,42	474,73	66.191	413,69			
37	Xã Tân Hưng	Sáp nhập xã Tân Hưng, một phần xã Đông Hưng, một phần xã Đồng Thới và một phần xã Hòa Mỹ thuộc huyện Cái Nước	1	92,41	308,03	35.222	220,13			
38	Xã Hưng Mỹ	Sáp nhập xã Hưng Mỹ, một phần xã Hòa Mỹ và một phần xã Tân Hưng Đông thuộc huyện Cái Nước	2	98,40	328,00	38.687	241,79			



STT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ %	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ %			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	Xã Cái Nước	Sáp nhập Thị trấn Cái Nước, xã Trần Thới, một phần xã Đông Thới, phần còn lại xã Tân Hưng Đông, một phần xã Đông Hưng thuộc huyện Cái Nước	2	118,25	394,16	54.397	339,98			

Ghi chú:

Cột 10: Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm: (1) Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 07/3/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Cà Mau; (2) Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 09/11/2027 về việc công nhận thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là thị trấn đảo; (3) Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.



Phụ lục 2.4

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã	82	1	0	81	35	0	47
Phường	9	0	0	9	4	0	5
Thị trấn	9	0	0	9	0	0	9
Tổng	100	1	0	99	39	0	61



Phụ lục 2.5

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ PHƯƠNG AN SẮP XẾP, BỐ TRÍ
SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29...và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
	<i>1</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>
A	CẤP XÃ	1200	1198	0	1589	1085	1028	0	1507	245	155	0	419
I	Thành phố Cà Mau	192	194	0	249	177	165	0	234	39	30	0	54
1	Các xã	84	79	0	107	76	67	0	102	23	10	0	30
1.1	Xã An Xuyên	12	12	0	16	11	10	0	15	4	0	0	4
1.2	Xã Định Bình	12	11	0	15	11	8	0	15	3	2	0	6
1.3	Xã Hòa Tân	12	11	0	15	11	11	0	14	2	4	0	10
1.4	Xã Hòa Thành	12	11	0	15	11	10	0	14	5	1	0	6
1.5	Xã Lý Văn Lâm	12	12	0	16	10	11	0	15	2	1	0	0
1.6	Xã Tác Vân	12	11	0	15	11	8	0	14	3	1	0	3
1.7	Xã Tân Thành	12	11	0	15	11	9	0	15	4	1	0	1



Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29...và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
2	Các phường	108	115	0	142	101	98	0	132	16	20	0	24
2.1	Phường 1	12	13	0	16	11	11	0	13	0	0	0	6
2.2	Phường 2	12	13	0	16	13	16	0	18	2	6	0	1
2.3	Phường 5	12	15	0	18	11	12	0	17	4	1	0	3
2.4	Phường 6	12	15	0	18	11	12	0	17	2	5	0	4
2.5	Phường 7	12	10	0	13	11	9	0	13	2	3	0	0
2.6	Phường 8	12	15	0	18	11	12	0	13	3	1	0	4
2.7	Phường 9	12	13	0	16	11	10	0	16	0	2	0	0
2.8	Phường Tân Thành	12	10	0	13	11	8	0	12	1	0	0	6
2.9	Phường Tân Xuyên	12	11	0	14	11	8	0	13	2	2	0	0
II	Huyện U Minh	96	108	0	140	88	84	0	139	20	10	0	7
1	Xã Khánh An	12	16		20	11	11		20	1	1		2
2	Xã Khánh Lâm	12	14		18	11	12		18	5	4		1
3	Xã Khánh Hội	12	12		16	11	10		16	0	0		0
4	Thị trấn U Minh	12	10		14	11	9		14	4	2		0



Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
5	Xã Khánh Thuận	12	16		20	11	11		19	3	0		0
6	Xã Khánh Hòa	12	12		16	11	12		16	2	0		2
7	Xã Khánh Tiến	12	12		16	11	9		16	3	0		2
8	Xã Nguyễn Phích	12	16		20	11	10		20	2	3		0
III	Huyện Thới Bình	144	140	0	188	130	124	0	182	37	23	0	31
1	Xã Biển Bạch	12	11		14	11	10		14	3	1		0
2	Xã Tân Bằng	12	11	0	15	11	9	0	15	3	3		11
3	Xã Biển Bạch Đông	12	12		16	10	10		16	3	4		3
4	Thị trấn Thới Bình	12	11		16	10	11		16	3	2		2
5	Xã Trí Lược	12	11		15	11	11		14	1	3		2
6	Xã Trí Phái	12	12		16	11	11		15	3	0		0
7	Xã Hồ Thị Kỳ	12	13		17	11	11		16	3	2		0
8	Xã Tân Lộc	12	11		16	11	10		15	4	1		1
9	Xã Tân Lộc Đông	12	11		14	11	10		14	3	3		2
10	Xã Tân Lộc Bắc	12	11		15	11	10		14	4			2



	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29...và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
11	Xã Tân Phú	12	13		17	11	11		16	3	3		0
12	Xã Thới Bình	12	13		17	11	10		17	4	1		8
IV	Huyện Trần Văn Thời	156	167	0	219	140	136	0	211	3	1	0	12
1	Thị trấn Sông Đốc	12	17		23	11	13		19		1		3
2	Xã Phong Điền	12	13		16	11	11		16				
3	Xã Phong Lạc	12	11		16	11	10		16				
4	Thị trấn Trần Văn Thời	12	13		16	11	11		15				
5	Xã Khánh Bình	12	11		16	11	9		15				
6	Xã Khánh Bình Đông	12	14		18	10	10		18	3			2
7	Xã Khánh Bình Tây	12	13		16	11	8		16				
8	Xã Khánh Bình Tây Bắc	12	13		16	11	10		16				2
9	Xã Khánh Hải	12	13		16	10	10		16				
10	Xã Khánh Hưng	12	13		17	11	11		16				1
11	Xã Khánh Lộc	12	11		16	10	11		15				
12	Xã Lợi An	12	11		16	11	10		16				2



Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29...và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
13	Xã Trần Hợi	12	14		17	11	12		17				2
V	Huyện Cái Nước	132	127	0	171	121	117	0	161	31	16	0	19
1	Thị trấn Cái Nước	12	13		17	11	11		16	4	1		1
2	Xã Đông Hưng	12	11		14	11	11		14	2	1		2
3	Xã Đông Thới	12	11		14	11	11		14	3	2		3
4	Xã Hòa Mỹ	12	11		14	11	10		13	2	1		2
5	Xã Hưng Mỹ	12	11		16	11	11		14	4	2		2
6	Xã Lương Thế Trân	12	11		15	11	9		12	6	1		1
7	Xã Phú Hưng	12	12		16	11	11		16	3	3		0
8	Xã Tân Hưng	12	12		17	11	10		15	2	2		1
9	Xã Tân Hưng Đông	12	12		16	11	11		16	2	1		4
10	Xã Thạnh Phú	12	12		17	11	12		16	1	2		2
11	Xã Trần Thới	12	11		15	11	10		15	2	0		1
VI	Huyện Đầm Dơi	192	183	0	247	170	162	0	231	44	22	0	231
1	Thị trấn Đầm Dơi	12	10		14	10	9		14	1	1		14



Số TT	Tên DVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
2	Xã Ngọc Chánh	12	11		15	11	11		15	2			15
3	Xã Nguyễn Huân	12	14		18	11	12		17	4	2		17
4	Xã Quách Phẩm	12	11		15	10	8		15	3	1		15
5	Xã Quách Phẩm Bắc	12	11		15	10	10		13	3	2		13
6	Xã Tạ An Khương	12	11		15	11	11		15	1			15
7	Xã Tạ An Khương Đông	12	10		14	11	8		14	4	2		14
8	Xã Tạ An Khương Nam	12	10		14	11	9		14		1		14
9	Xã Tân Dân	12	10		14	10	10		14	4	2		14
10	Xã Tân Đức	12	12		16	11	10		14	4			14
11	Xã Tân Duyệt	12	12		16	11	12		15	1	4		15
12	Xã Tân Thuận	12	14		18	11	10		16	3	1		16
13	Xã Tân Tiến	12	13		17	11	11		15	4	3		15
14	Xã Tân Trung	12	11		15	10	10		11	7	2		11
15	Xã Thanh Tùng	12	11		15	11	11		15	3			15
16	Xã Trần Phán	12	12		16	10	10		14		1		14



	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
VII	Huyện Năm Căn	96	84	0	116	86	81	0	106	19	22	0	13
1	Thị trấn Năm Căn	12	13		17	11	13		17	2			
2	Xã Đất Mới	12	11		15	11	11		12	4	4		
3	Xã Hàm Rồng	12	9		13	10	8		12	1			
4	Xã Hàng Vịnh	12	9		13	11	9		13	3	3		
5	Xã Hiệp Tùng	12	9		13	11	9		12	4	4		2
6	Xã Lâm Hải	12	12		15	10	12		12	1	5		2
7	Xã Tam Giang	12	11		15	11	10		14	1	2		2
8	Xã Tam Giang Đông	12	10		15	11	9		14	3	4		7
VIII	Huyện Phú Tân	108	103	0	139	98	94	0	135	27	15	0	15
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	12	12		16	11	12		15	3	3		1
2	Xã Nguyễn Việt Khái	12	13		17	10	12		15	5	3		
3	Xã Phú Mỹ	12	11		15	11	9		15	4			5
4	Xã Phú Tân	12	12		16	11	11		16	1	1		
5	Xã Phú Thuận	12	11		15	11	10		15	1			2



Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29...và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
6	Xã Rạch Chèo	12	11		15	11	10		15	5	2		3
7	Xã Tân Hải	12	11		15	11	10		14	2	2		3
8	Xã Tân Hưng Tây	12	11		15	11	10		15	2	2		1
9	Xã Việt Thắng	12	11		15	11	10		15	4	2		
IX	Huyện Ngọc Hiển	84	92	0	120	75	65	0	108	25	16	0	37
1	Thị trấn Rạch Gốc	12	13	0	18	11	9	0	17	1	5	0	6
2	Xã Đất Mũi	12	15	0	18	10	9	0	14	3	0	0	5
3	Xã Tam Giang Tây	12	13	0	17	10	10	0	16	4	1	0	3
4	Xã Tân Ân	12	11	0	15	11	9	0	15	4	2	0	5
5	Xã Tân Ân Tây	12	12	0	17	11	9	0	16	7	6	0	6
6	Xã Viên An	12	14	0	18	11	10	0	16	4	1	0	7
7	Xã Viên An Đông	12	14	0	17	11	9	0	14	2	1	0	5
B	CẤP HUYỆN	184	1186	13338	0	171	1123	12351	0	9	105	0	0
	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện bố trí về cấp xã	184	1186	13338	0	171	1123	12351	0	9	105	0	0



Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức (biên chế giao)				Số hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế theo quy định hiện hành (theo Nghị định số 178, Nghị định số 67, Nghị định số 29...và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
C	TỔNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	1384	2384	13338	1589	1256	2151	12351	1507	254	260	0	419



Phụ lục 2.6

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠI CÁC ĐVHC CẤP XÃ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên cấp Xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Thành phố Cà Mau	236	229	7	0	0	7	0	0	0
1	Phường 9	12	10	2	0	0	2	0	0	0
2	Phường 1	17	16	1	0	0	1	0	0	0
3	Phường 2	24	24	0	0	0	0	0	0	0
4	Phường 5	17	16	1	0	0	1	0	0	0
5	Phường 6	16	16	0	0	0	0	0	0	0
6	Phường 7	13	12	1	0	0	1	0	0	0
7	Phường 8	16	16	0	0	0	0	0	0	0
8	Phường Tân Thành	13	12	1	0	0	1	0	0	0
9	Phường Tân Xuyên	9	9	0	0	0	0	0	0	0
10	Xã Tân Thành	12	12	0	0	0	0	0	0	0
11	Xã Tắc Vân	11	11	0	0	0	0	0	0	0
12	Xã Định Bình	16	16	0	0	0	0	0	0	0
13	Xã Hòa Thành	11	11	0	0	0	0	0	0	0
14	Xã Hòa Tân	13	12	1	0	0	1	0	0	0
15	Xã Lý Văn Lâm	15	15	0	0	0	0	0	0	0
16	Xã An Xuyên	21	21	0	0	0	0	0	0	0



Số TT	Tên cấp Xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
H	Huyện Thới Bình	134	126	8	0	0	8	0	0	0
1	Thị trấn Thới Bình	15	14	1	0	0	1	0	0	0
2	Xã Thới Bình	21	20	1	0	0	1	0	0	0
3	Xã Trí Phái	6	6	0	0	0	0	0	0	0
4	Xã Tân Phú	14	13	1	0	0	1	0	0	0
5	Xã Tân Lộc	13	12	1	0	0	1	0	0	0
6	Xã Tân Lộc Bắc	12	12	0	0	0	0	0	0	0
7	Xã Tân Lộc Đông	5	4	1	0	0	1	0	0	0
8	Xã Hồ Thị Kỷ	15	15	0	0	0	0	0	0	0
9	Xã Tân Bằng	11	11	0	0	0	0	0	0	0
10	Xã Biển Bạch	7	6	1	0	0	1	0	0	0
11	Xã Biển Bạch Đông	7	6	1	0	0	1	0	0	0
12	Xã Trí Lực	8	7	1	0	0	1	0	0	0
III	Huyện U Minh	127	122	5	0	0	5	0	0	0
1	thị trấn U Minh	11	10	1	0	0	1	0	0	0
2	Xã Khánh An	26	26	0	0	0	0	0	0	0
3	Xã Nguyễn Phích	17	16	1	0	0	1	0	0	0
4	Xã Khánh Thuận	16	15	1	0	0	1	0	0	0
5	Xã Khánh Tiến	10	9	1	0	0	1	0	0	0
6	Xã Khánh Hoà	12	12	0	0	0	0	0	0	0
7	Xã Khánh Lâm	21	20	1	0	0	1	0	0	0
8	Xã Khánh Hội	14	14	0	0	0	0	0	0	0
IV	Huyện Trần Văn Thời	261	256	0	5	5	0	0	0	0



Số TT	Tên cấp Xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Thị trấn Trần Văn Thời	17	17	0	0	0	0	0	0	0
2	Thị trấn Sông Đốc	26	26	0	0	0	0	0	0	0
3	Xã Khánh Hải	20	20	0	0	0	0	0	0	0
4	Xã Khánh Hưng	23	23	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã Khánh Lộc	15	14	0	1	1	0	0	0	0
6	Xã Khánh Bình Tây	21	21	0	0	0	0	0	0	0
7	Xã Khánh Bình Tây Bắc	20	20	0	0	0	0	0	0	0
8	Xã Trần Hợi	25	24	0	1	1	0	0	0	0
9	Xã Khánh Bình Đông	26	26	0	0	0	0	0	0	0
10	Xã Khánh Bình	16	16	0	0	0	0	0	0	0
11	Xã Lợi An	18	17	0	1	1	0	0	0	0
12	Xã Phong Lạc	14	13	0	1	1	0	0	0	0
13	Xã Phong Điền	20	19	0	1	1	0	0	0	0
V	Huyện Cái Nước	198	187	11	0	1	10	0	0	0
1	Thị trấn Cái Nước	21	19	2	0	0	2	0	0	0
2	Xã Trần Thới	22	20	2	0	0	2	0	0	0
3	Xã Đông Thới	15	14	1	0	0	1	0	0	0
4	Xã Đông Hưng	14	13	1	0	0	1	0	0	0
5	Xã Tân Hưng Đông	21	20	1	0	1	0	0	0	0
6	Xã Hòa Mỹ	15	14	1	0	0	1	0	0	0
7	Xã Hưng Mỹ	13	13	0	0	0	0	0	0	0
8	Xã Tân Hưng	23	23	0	0	0	0	0	0	0
9	Xã Phú Hưng	19	19	0	0	0	0	0	0	0



Số TT	Tên cấp Xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
10	Xã Thạnh Phú	17	16	1	0	0	1	0	0	0
11	Xã Lương Thế Trân	18	16	2	0	0	2	0	0	0
VI	Huyện Phú Tân	129	123	6	0	6	0	0	0	0
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	16	15	1	0	1	0	0	0	0
2	Xã Nguyễn Việt Khái	18	17	1	0	1	0	0	0	0
3	Xã Phú Mỹ	12	11	1	0	1	0	0	0	0
4	Xã Phú Thuận	12	12	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã Phú Tân	20	20	0	0	0	0	0	0	0
6	Xã Tân Hải	14	13	1	0	1	0	0	0	0
7	Xã Rạch Chèo	10	9	1	0	1	0	0	0	0
8	Xã Tân Hưng Tây	14	14	0	0	0	0	0	0	0
9	Xã Việt Thắng	13	12	1	0	1	0	0	0	0
VII	Huyện Đầm Dơi	286	255	12	19	0	31	0	0	0
1	Thị trấn Đầm Dơi	16	14	2	0	0	2	0	0	0
2	Xã Tạ An Khương Nam	13	12	1	0	0	1	0	0	0
3	Xã Tân Đức	26	20	1	5	0	6	0	0	0
4	Xã Tân Dân	12	11	1	0	0	1	0	0	0
5	Xã Trần Phán	19	16	0	3	0	3	0	0	0
6	Xã Quách Phẩm	17	17	0	0	0	0	0	0	0
7	Xã Thanh Tùng	15	14	0	1	0	1	0	0	0
8	Xã Nguyễn Huân	20	18	1	1	0	2	0	0	0
9	Xã Quách Phẩm Bắc	23	20	1	2	0	3	0	0	0
10	Xã Tân Trung	13	12	1	0	0	1	0	0	0



Số TT	Tên cấp Xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
11	Xã Tạ An Khương Đông	15	14	1	0	0	1	0	0	0
12	Xã Tân Duyệt	19	17	1	1	0	2	0	0	0
13	Xã Ngọc Chánh	19	15	1	3	0	4	0	0	0
14	Xã Tân Thuận	22	20	0	2	0	2	0	0	0
15	Xã Tân Tiến	20	18	1	1	0	2	0	0	0
16	Xã Tạ An Khương	17	17	0	0	0	0	0	0	0
VIII	Huyện Năm Căn	127	107	15	5	6	14	0	0	0
1	Thị trấn Năm Căn	33	24	6	3	5	4	0	0	0
2	Xã Hàm Rồng	14	10	3	1	1	3	0	0	0
3	Xã Hàng Vịnh	12	10	2	0	0	2	0	0	0
4	Xã Đất Mới	17	14	2	1	0	3	0	0	0
5	Xã Lâm Hải	15	15	0	0	0	0	0	0	0
6	Xã Hiệp Tùng	11	10	1	0	0	1	0	0	0
7	Xã Tam Giang	12	12	0	0	0	0	0	0	0
8	Xã Tam Giang Đông	13	12	1	0	0	1	0	0	0
IX	Huyện Ngọc Hiển	132	126	6	0	5	1	0	0	0
1	Thị trấn Rạch Gốc	18	17	1	0	1	0	0	0	0
2	Xã Tam Giang Tây	24	22	2	0	1	1	0	0	0
3	Xã Tân Ân	9	8	1	0	1	0	0	0	0
4	Xã Tân Ân Tây	17	17	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã Viên An Đông	21	20	1	0	1	0	0	0	0
6	Xã Viên An	19	18	1	0	1	0	0	0	0



Số TT	Tên cấp Xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
7	Xã Đất Mũi	24	24	0	0	0	0	0	0	0
	TỔNG	1.630	1.531	70	29	23	76	0	0	0